BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SẮT QUẢNG BÌNH VÀ CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SẮT QUẢNG BÌNH KHUYẾN NGHỊ CÁC NHÀ ĐẦU TƯ NÊN ĐỌC KỸ CÁC THÔNG TIN TRONG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN NÀY VÀ QUY CHẾ BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN TRƯỚC KHI THAM GIA ĐẤU GIÁ

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU RA CÔNG CHÚNG

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SẮT QUẢNG BÌNH

TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SẮT QUẢNG BÌNH

Địa chỉ trụ sở chính: Số 377 đường Trần Hưng Đạo, phường Nam Lý, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.
Điện thoại: 052. 3838 913
Fax: 052. 3836 742
Website: www.duongsatquangbinh.vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Địa chỉ trụ sở chính: Số 306 Bà Triệu, Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại: 04.3556 2875 / 04.3556 2876
Fax: 04.3556 2874
Website: www.vietinbanksc.com.vn

Tháng 11 năm 2015

MỤC LỤC

PHẦN I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI NỘI DUNG CÁC THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA 9

PHẦN II. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ NGỮ VIẾT TẮT 12

PHẦN III. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP 13

I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY TRƯỚC KHI CỔ PHẦN HÓA 13

1. Thông tin chung về doanh nghiệp cổ phần hóa 13

2. Quá trình thành lập và phát triển của Công ty 13

3. Ngành nghề sản xuất kinh doanh 14

4. Sản phẩm dịch vụ chủ yếu 16

5. Cơ cấu tổ chức Công ty TNHH một thành viên Quản lý đường sắt Quảng Bình trước cổ phần hóa 16

6. Tổng số lao động tiếp tục chuyển sang công ty cổ phần 32

7. Giá trị thực tế của doanh nghiệp tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa 33

8. Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp 37

9. Chủ sở hữu Công ty và Danh sách công ty con và công ty liên kết, liên doanh của Công ty 42

10. Tình hình hoạt động kinh doanh và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 03 năm trước khi cổ phần hóa 42

11. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành 54

II. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG VÀ KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH SAU KHI CỔ PHẦN HÓA 58

1. Mục tiêu cổ phần hóa 58

2. Hình thức cổ phần hóa 59

3. Thông tin Doanh nghiệp sau cổ phần hóa 59

4. Ngành nghề kinh doanh sau cổ phần hóa 60

5. Cơ cấu tổ chức Công ty sau cổ phần hóa 62

MỤC LỤC

6. Một số thông tin chủ yếu về chiến lược phát triển doanh nghiệp và kế hoạch đầu tư sau khi cổ phần hóa 66
7. Hệ thống chỉ tiêu kinh tế chủ yếu của kế hoạch sản xuất kinh doanh trong 05 năm liền kề sau khi cổ phần hóa 66
PHẦN IV. VỐN ĐIỀU LỆ VÀ CƠ CẤU VỐN ĐIỀU LỆ 71
1. Vốn điều lệ 71
2. Cơ cấu vốn điều lệ 71
PHẦN V. RỦI RO DỰ KIẾN 72
1. Rủi ro về kinh tế 72
2. Rủi ro về luật pháp 74
3. Rủi ro đặc thù ngành 75
4. Rủi ro của đợt chào bán 75
5. Rủi ro khác 76
PHẦN VI. CỔ PHẦN CHÀO BÁN 77
1. Thông tin chung về đợt chào bán 77
2. Phương thức bán và thanh toán tiền mua cổ phần 77
3. Kế hoạch hoàn vốn ngân sách Nhà nước và sử dụng tiền thu được từ cổ phần hóa 78
4. Các bên liên quan đến đợt chào bán 80

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1: Cơ cấu lao động tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp 32

Bảng 2: Cơ cấu lao động chuyển sang công ty cổ phần 33

Bảng 3: Giá trị thực tế của doanh nghiệp để cổ phần hóa tại thời điểm ngày 31/12/2014 34

Bảng 4: Tình hình đất đai 38

Bảng 5: Danh mục tài sản của Công ty TNHH một thành viên Quản lý đường sắt Quảng Bình tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp theo số liệu sổ sách sau xử lý tài chính 40

Bảng 6: Cơ cấu doanh thu và thu nhập khác của Công ty giai đoạn 2012 –30/06/2015 43

Bảng 7: Cơ cấu chi phí của Công ty giai đoạn 2012 – 30/06/2015 44

Bảng 8: Danh sách một số máy móc, thiết bị của Công ty 45

Bảng 9: Một số hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết 48

Bảng 10: Kết quả kinh doanh giai đoạn 2012 – 30/06/2015 và một số chỉ tiêu dự kiến năm 2015 49

Bảng 11: Một số chỉ tiêu tài chính giai đoạn 2012 – 2014 52

Bảng 12: Ngành nghề kinh doanh của Công ty cổ phần 60

Bảng 13: Một số chỉ tiêu kế hoạch SXKD Công ty trong 05 năm sau cổ phần hóa 67

Bảng 14: Cơ cấu vốn điều lệ dự kiến của Công ty sau khi cổ phần hóa 71

Bảng 15: Phương thức bán cổ phần dự kiến 77

Bảng 16: Dự kiến kế hoạch hoàn vốn ngân sách Nhà nước và kế hoạch sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa 78

TÓM TẮT THÔNG TIN VỀ ĐỢT ĐẤU GIÁ

1. Tên doanh nghiệp	:	**Công ty TNHH một thành viên Quản lý đường sắt Quảng Bình**
2. Số lượng cổ phần bán đấu giá công khai	:	**88.045 cổ phần**
3. Loại cổ phần	:	Cổ phần phổ thông, tự do chuyển nhượng
4. Mệnh giá	:	10.000 đồng/cổ phần
5. Giá khởi điểm	:	**10.000 đồng/cổ phần**
6. Bước giá	:	100 đồng
7. Bước khối lượng	:	01 cổ phần
8. Số lượng cổ phần mỗi nhà đầu tư được đăng ký mua tối thiểu	:	01 cổ phần
9. Số lượng cổ phần mỗi nhà đầu tư được đăng ký mua tối đa	:	88.045 cổ phần
10. Số mức giá trong đấu giá	:	Mỗi nhà đầu tư được phát 01 (một) Phiếu tham dự đấu giá và chỉ được ghi tối đa 01 (một) mức giá đặt mua trên Phiếu tham dự đấu giá; mức giá đặt mua ghi trên Phiếu tham dự đấu giá là mức giá đặt mua tính trên một cổ phần và phải là bội số của 100 (một trăm) đồng; khối lượng đặt mua của mỗi mức giá tối thiểu là 01 (một) cổ phần; tổng khối lượng đặt mua tối đa bằng số cổ phần đã đăng ký.
11. Đối tượng tham gia đấu giá	:	Các tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần có đủ điều kiện theo quy định tại Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty TNHH một thành viên Quản lý đường sắt Quảng Bình do Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam ban hành

12. Phương thức thực hiện đấu giá : Đấu giá công khai thông qua tổ chức tài chính trung gian là Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam.

13. Các quy định khác liên quan : Theo quy định tại Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty TNHH một thành viên Quản lý đường sắt Quảng Bình do Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam ban hành

14. Địa điểm cung cấp Bản công bố thông tin:

- **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SẮT QUẢNG BÌNH**

  Trụ sở chính : Số 377 Trần Hưng Đạo, phường Nam Lý, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình, Việt Nam

  Điện thoại : 052. 3838 913 Fax: 052. 3836 742

  Website : www.duongsatquangbinh.vn

- **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM**

  Trụ sở chính : Số 306 Bà Triệu, Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

  Điện thoại : 04 3556 2875 / 76 Fax: 04 3556 2874

  Website : www.vietinbanksc.com.vn

CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ CỦA ĐỢT ĐẤU GIÁ

1. Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần;
2. Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 07 năm 2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
3. Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
4. Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 28/12/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần;
5. Nghị định số 63/2015/NĐ-CP ngày 22/07/2015 của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;
6. Thông tư số 33/2012/TT-BLĐTBXH ngày 20/12/2012 hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động theo Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ;
7. Thông tư số 10/2013/TT-BTC ngày 18/01/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại các Công ty mẹ của Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước, Công ty mẹ trong tổ hợp công ty mẹ - công ty con;
8. Quyết định số 64/QĐ-BGTVT ngày 08/01/2015 của Bộ Giao thông Vận tải về phê duyệt danh sách doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa tại Tổng công ty Đường sắt Việt Nam;
9. Quyết định số 88/QĐ-BGTVT ngày 09/01/2015 của Bộ Giao thông Vận tải về việc thành lập Ban chỉ đạo Cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Quản lý đường sắt Quảng Bình - Tổng công ty Đường sắt Việt Nam;

CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ CỦA ĐỢT ĐẤU GIÁ

10. Quyết định số 24/QĐ-BGTVT ngày 30/01/2015 của Bộ Giao thông Vận tải về việc thành lập Tổ giúp việc Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Quảng Bình - Tổng công ty Đường sắt Việt Nam;
11. Quyết định số 2337/QĐ–BGTVT ngày 30/06/2015 của Bộ Giao thông Vận tải về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa của Công ty TNHH một thành viên Quản lý đường sắt Quảng Bình thuộc Tổng công ty Đường sắt Việt Nam;
12. Quyết định số 3893/QĐ-BGTVT ngày 30/10/2015 của Bộ Giao thông Vận tải về việc phê duyệt Phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Quản lý đường sắt Quảng Bình thuộc Tổng công ty Đường sắt Việt Nam;
13. Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp và Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Quản lý đường sắt Quảng Bình tại thời điểm ngày 31/12/2014;
14. Các văn bản, tài liệu pháp lý khác có liên quan.

PHẦN I: NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI NỘI DUNG CÁC THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA

1. Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Quản lý đường sắt Quảng Bình

▪ **Ông Trần Ngọc Thành**	Chủ tịch HĐTV Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam – Trưởng ban
▪ **Ông Vũ Tá Tùng**	Tổng Giám đốc Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam – Phó Trưởng ban thường trực
▪ **Ông Đỗ Thái Hưng**	Phó Vụ trưởng Vụ Quản lý doanh nghiệp, Bộ Giao thông vận tải – Phó Trưởng ban
▪ **Ông Mai Thành Phương**	Chủ tịch Công đoàn Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam – Ủy viên
▪ **Ông Đoàn Duy Hoạch**	Phó Bí thư thường trực Đảng ủy, Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam – Ủy viên
▪ **Ông Đới Sĩ Hưng**	Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam – Ủy viên
▪ **Bà Lê Thị Nhuận**	Kế toán trưởng Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam – Ủy viên
▪ **Ông Cao Minh Tuân**	Trưởng Ban Tổ chức Cán bộ - Lao động Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam – Ủy viên
▪ **Ông Trần Thế Hùng**	Trưởng Ban Kế hoạch Kinh doanh Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam – Ủy viên
▪ **Ông Phạm Minh Khôi**	Trưởng Ban Quản lý kết cấu hạ tầng đường sắt, Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam – Ủy viên
▪ **Ông Nguyễn Hữu Tuyên**	Trưởng Ban Vận tải và Đầu máy Toa xe Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam – Ủy viên
▪ **Ông Tạ Văn Thanh**	Trưởng Ban Kiểm soát nội bộ Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam – Ủy viên

▪ **Bà Đỗ Thị Hồng Châu**	Phó Trưởng ban Tổ chức Cán bộ - Lao động Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam – Ủy viên, Thư ký
▪ **Ông Nguyễn Mạnh Thịnh**	Chuyên viên chính Vụ Quản lý doanh nghiệp, Bộ Giao thông vận tải – Ủy viên
▪ **Ông Nguyễn Văn Hùng**	Chuyên viên cao cấp Vụ Quản lý doanh nghiệp, Bộ Giao thông vận tải – Ủy viên
▪ **Ông Đoàn Cảnh Hoàng**	Chuyên viên chính Vụ Tài chính, Bộ Giao thông Vận tải – Ủy viên
▪ **Ông Trần Trọng Ngôn**	Chuyên viên chính Vụ Tổ chức Cán bộ, Bộ Giao thông Vận tải – Ủy viên
▪ **Ông Đỗ Bá Tâm**	Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty TNHH một thành viên Quản lý đường sắt Quảng Bình – Ủy viên

Chúng tôi cam kết các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là chính xác, trung thực và phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Công ty TNHH một thành viên Quản lý đường sắt Quảng Bình

▪ **Ông Đỗ Bá Tâm**	-	Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty
▪ **Ông Trần Văn Bằng**	-	Phó Giám đốc Công ty
▪ **Ông Trần Ngọc Sơn**	-	Phó Giám đốc Công ty
▪ **Ông Trần Văn Sáu**	-	Phó Giám đốc Công ty
▪ **Bà Mai Thị Tuyết Lan**	-	Kế toán trưởng Công ty
▪ **Ông Trần Xuân Trường**	-	Chủ tịch Công đoàn Công ty
▪ **Ông Nguyễn Văn Minh**	-	Trưởng phòng Tổ chức- Hành chính Công ty

Chúng tôi cam kết các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là chính xác, trung thực và phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

PHẦN I: NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI NỘI DUNG CÁC THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA

3. Tổ chức tư vấn – Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam

- **Ông Nguyễn Minh Giang** - Phó Tổng Giám đốc

(Theo Giấy Ủy quyền số 30/UQ-CKCT do Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam ký ngày 14/10/2015)

Bản công bố thông tin này là một phần của hồ sơ bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty TNHH một thành viên Quản lý đường sắt Quảng Bình do Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn với Công ty TNHH một thành viên Quản lý đường sắt Quảng Bình.

Chúng tôi đảm bảo rằng:

- ✓ Việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản công bố thông tin này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty TNHH một thành viên Quản lý đường sắt Quảng Bình cung cấp.
- ✓ Các bước thực hiện và nội dung Bản công bố thông tin này đã tuân thủ theo đúng trình tự bắt buộc nhưng không hàm ý đảm bảo giá trị chứng khoán.

PHẦN II: CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ NGỮ VIẾT TẮT

Trong Bản công bố thông tin này, các từ viết tắt dưới đây được hiểu như sau:

- Bộ GTVT : Bộ Giao thông Vận tải
- Công ty/Quản lý Đường sắt Quảng Bình : Công ty TNHH một thành viên Quản lý đường sắt Quảng Bình
- Ban chỉ đạo/BCĐ : Ban chỉ đạo cổ phần hóa
- HĐTV : Hội đồng thành viên
- GĐ : Giám đốc
- TNHH : Trách nhiệm hữu hạn
- CTCP : Công ty cổ phần
- MTV : Một thành viên
- UBND : Ủy ban nhân dân
- CBCNV : Cán bộ công nhân viên
- ĐKDN : Đăng ký doanh nghiệp
- CNQSDĐ : Chứng nhận quyền sử dụng đất
- BCTC : Báo cáo tài chính
- DT : Doanh thu
- DTT : Doanh thu thuần
- LN : Lợi nhuận
- SXKD : Sản xuất kinh doanh
- QL : Quản lý
- DN : Doanh nghiệp
- CCDV : Cung cấp dịch vụ
- HĐKD : Hoạt động kinh doanh
- XDCB : Xây dựng cơ bản
- HĐLĐ : Hợp đồng lao động
- TS : Tài sản
- TSCĐ : Tài sản cố định
- TSLĐ : Tài sản lưu động
- KH : Kế hoạch
- HĐ : Hợp đồng
- GTDN : Giá trị doanh nghiệp
- CPH : Cổ phần hóa

PHẦN III: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP

I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY TRƯỚC KHI CỔ PHẦN HÓA

1. Thông tin chung về doanh nghiệp cổ phần hóa

- Tên tiếng Việt : CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SẮT QUẢNG BÌNH
- Tên viết tắt tiếng Việt : QUẢN LÝ ĐƯỜNG SẮT QUẢNG BÌNH
- Tên tiếng Anh : QUANG BINH RAILWAY MANAGEMENT CO., LTD
- Tên viết tắt tiếng Anh : QUANG BINH RAILWAY MANAGEMENT
- Địa chỉ trụ sở chính : Số 377 đường Trần Hưng Đạo, phường Nam Lý, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình, Việt Nam
- Điện thoại : 052. 3838 913
- Fax : 052. 3836 742
- Giấy CNĐKDN : Số 3100213455 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Quảng Bình cấp lần đầu ngày 06 tháng 12 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 14 tháng 01 năm 2013.

2. Quá trình thành lập và phát triển của Công ty

Một số mốc lịch sử quan trọng trong quá trình thành lập và phát triển của Công ty:

Tiền thân ban đầu của Công ty TNHH một thành viên Quản lý đường sắt Quảng Bình là Xí nghiệp quản lý đường sắt Quảng Bình.

Ngày 23 tháng 11 năm 1981, Tổng Cục trưởng Tổng cục Đường sắt Việt Nam đã ban hành Quyết định số 454/LĐTL về việc thành lập Đoạn cầu đường Quảng Bình.

PHẦN III: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP

Ngày 17 tháng 04 năm 1998, Bộ Giao thông Vận tải có quyết định số 867/1998/QĐ/TCCB-LĐ về việc thành lập doanh nghiệp Nhà nước hoạt động công ích Xí nghiệp Quản lý Đường sắt Quảng Bình.

Tháng 3 năm 2003 đơn vị chính thức đổi tên thành Công ty Quản lý Đường sắt Quảng Bình theo quyết định số 734/2003/QĐ-BGTVT ngày 20/3/2003 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải.

Ngày 29 tháng 6 năm 2010, Hội đồng quản trị Tổng công ty Đường sắt Việt Nam có quyết định số: 710/QĐĐS chuyển Công ty Quản lý Đường sắt Quảng Bình thành Công ty TNHH một thành viên Quản lý đường sắt Quảng Bình.

Hiện tại, Công ty TNHH một thành viên Quản lý đường sắt Quảng Bình hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 3100213455 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình cấp lần đầu ngày ngày 06 tháng 12 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 14 tháng 01 năm 2013. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là Quản lý, khai thác, bảo trì, sửa chữa hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt; Xây dựng, lắp đặt thiết bị các công trình Giao thông đường sắt, đường bộ, thủy lợi ….

3. Ngành nghề sản xuất kinh doanh

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 3100213455 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình cấp đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 14/01/2013, Ngành, nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt. Chi tiết: Quản lý, duy tu sửa chữa theo từng cấp kỹ thuật hệ thống cầu đường đảm bảo an ninh cho tàu chạy thông suốt trong mọi tình huống; Tổ chức ứng phó sự cố thiên tai, cứu nạn và tai nạn giao thông đường sắt; dịch vụ vận chuyển;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Chi tiết:Xây dựng, lắp đặt các công trình đường sắt và đường bộ;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng sửa chữa các công trình giao thông, thủy lợi, công trình thông tin, viễn thông, tín hiệu giao thông; các công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: Chuẩn bị mặt bằng;
- Xây dựng nhà các loại. Chi tiết: Xây dựng, sửa chữa các công trình xây dựng dân dụng;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị. Chi tiết: Sửa chữa các loại phụ kiện, máy móc, thiết bị thi công công trình;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao. Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng, kết cấu bê tông cốt thép và kết cấu thép chuyên ngành;
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa đươc phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất các loại phụ kiện, máy móc, thiết bị thi công công trình;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Mua bán bất động sản; Cho thuê văn phòng, cửa hàng, kho bãi;
- Khách sạn. Chi tiết: Kinh doanh khách sạn;
- Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Kinh doanh nhà nghỉ;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Kinh doanh nhà hàng ăn uống, giải khát;
- Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khoẻ tương tự (trừ hoạt động thể thao). Chi tiết: Kinh doanh massage, vật lý trị liệu (Khi có đủ điều kiện và cho phép của cơ quan chức năng);
- Điều hành tua du lịch. Chi tiết: Kinh doanh du lịch lữ hành;

- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Kinh doanh đồ lưu niệm, hoá mỹ phẩm, văn hoá phẩm, dịch vụ thể thao, dịch vụ viễn thông: mua bán sim card...;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: Tư vấn quản lý dự án xây dựng, giám sát các công trình giao thông cầu đường;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Chi tiết: Cho thuê phương tiện vận chuyển;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Dịch vụ mua bán vé tàu, ô tô. Trông giữ xe ô tô, xe máy;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không. Chi tiết: Dịch vụ mua bán vé máy bay;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất bảo hộ lao động và công cụ, dụng cụ phục vụ cho sản xuất..

4. Sản phẩm dịch vụ chủ yếu

Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu của Công ty bao gồm:

- Quản lý, khai thác, bảo trì, sửa chữa hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia;
- Tư vấn lập dự án đầu tư, thẩm định báo cáo đầu tư, khảo sát thiết kế, thẩm định giá, giám sát các công trình giao thông, dân dụng;
- Xây dựng, lắp đặt thiết bị các công trình về: Giao thông đường sắt, đường bộ, thủy lợi, dân dụng, công nghiệp, đường dây truyền tải điện và trạm biến áp;
- Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng, thiết bị, phụ kiện, kết cấu thép và bê tông chuyên ngành giao thông đường sắt; trang thiết bị dụng cụ lao động, bảo hộ lao động.

5. Cơ cấu tổ chức Công ty TNHH một thành viên Quản lý đường sắt Quảng Bình trước cổ phần hóa

PHẦN III: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP

SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY TRƯỚC CỔ PHẦN HÓA

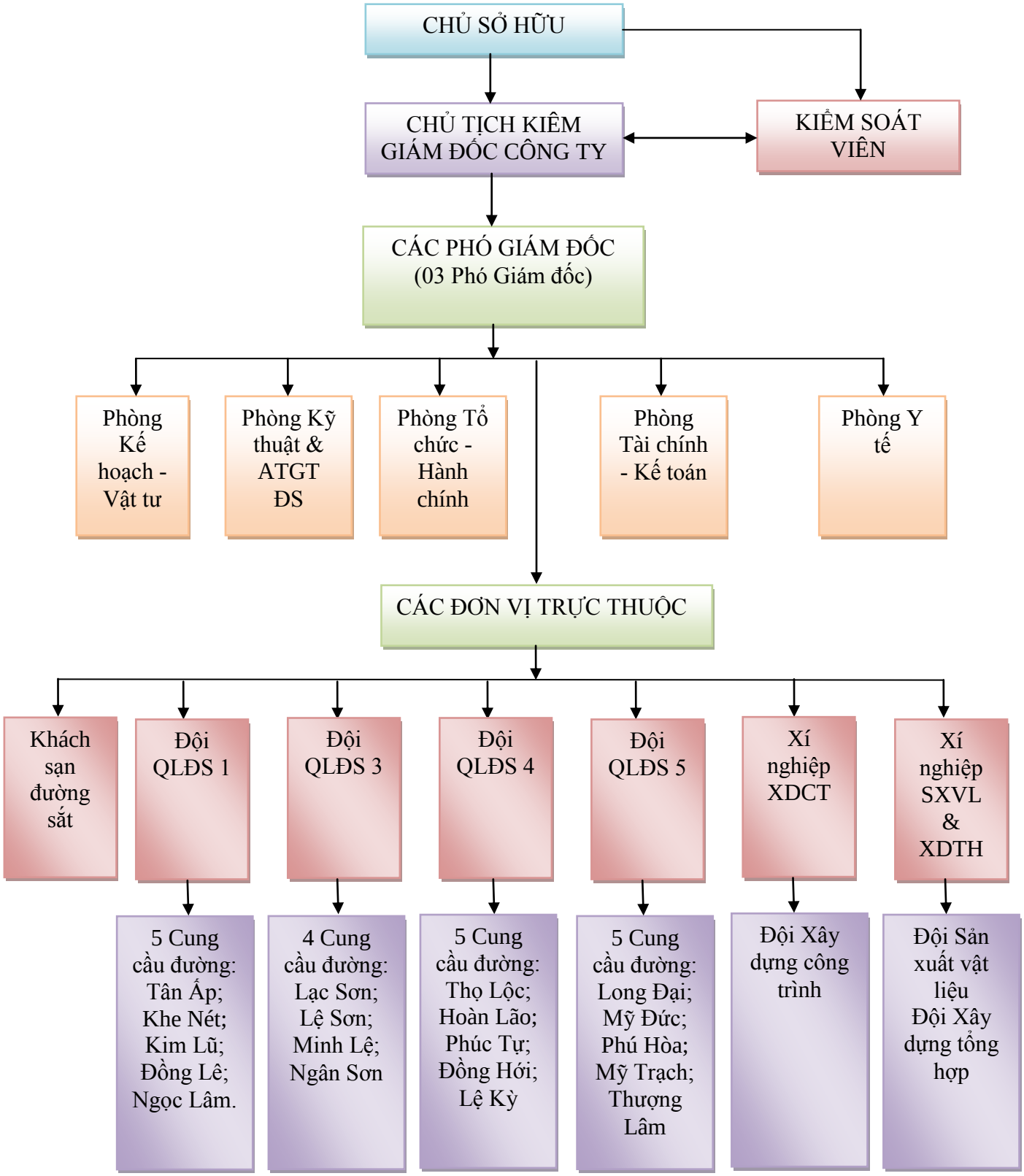

(Nguồn: Công ty TNHH một thành viên Quản lý đường sắt Quảng Bình)

PHẦN III: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP

- Cơ cấu bộ máy tổ chức quản lý, giám sát, điều hành của Công ty theo mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, gồm: Hội đồng thành viên; Kiểm soát viên; Giám đốc, các Phó Giám đốc, Phụ trách kế toán và Bộ máy giúp việc.
- Tại thời điểm xây dựng phương án cổ phần hóa, Tổ chức bộ máy và biên chế của Công ty TNHH một thành viên Quản lý đường sắt Quảng Bình là: 696 người. Bố trí nhân sự và chức năng của các phòng ban, bộ phận của Công ty như sau:

+ **Chủ tịch Công ty:** Chủ tịch Công ty đồng thời là Giám đốc Công ty

+ **Ban điều hành:** 05 người (01 Giám đốc, 03 Phó Giám đốc, 01 Kế toán trưởng)

+ **Kiểm soát viên:** 01 người

+ **Các phòng, ban chức năng:**

▪ **Phòng Tổ chức – Hành chính**: Gồm 17 người. Chức năng, nhiệm vụ như sau:

- **Chức năng:**
    - Tham mưu cho Giám đốc xây dựng bộ máy quản lý và lực lượng lao động của Công ty.
    - Tham mưu lãnh đạo soạn thảo các văn bản quy chế.
    - Tham mưu cho lãnh đạo thực hiện mọi chính sách của Đảng đối với người lao động.
    - Tham mưu và thực hiện nhiệm vụ đối nội, đối ngoại, quan hệ đón tiếp giao dịch phục vụ SXKD của Công ty.
    - Tham mưu và tổ chức thực hiện việc quản lý và sử dụng nhà ở, điện nước; mua sắm, trang cấp đồ dùng phục vụ sinh hoạt, văn phòng phẩm cho các đơn vị, phòng ban.
    - Tham mưu cho lãnh đạo xử lý văn bản, theo dõi việc thực hiện văn bản tạo điều kiện cho công tác lãnh chỉ đạo SXKD đạt hiệu quả cao.
    - Phục vụ, in ấn, photo copy, đóng dấu tài liệu, văn bản. Chuẩn bị mọi cơ sở vật chất phục vụ Hội nghị, Hội thảo theo yêu cầu.

- **Nhiệm vụ:**
    - Tham mưu việc tạo nguồn đề bạt, bổ nhiệm đội ngũ cán bộ, hợp đồng tiếp nhận lực lượng lao động mới. Đào tạo nghiệp vụ, đào tạo lại, xây dựng đơn giá tiền lương, định mức lao động, bảo hộ lao động, phòng chống cháy nổ, cấp phát bảo hộ lao động. Khen thưởng kỷ luật thi nâng bậc thợ, nâng lương gián tiếp, giải quyết các chế độ chính sách bảo hiểm xã hội cho người lao động.
    - Tổng hợp toàn diện và báo cáo kịp thời kết quả nhiệm vụ SXKD đời sống xã hội lên cấp trên kịp thời đầy đủ. Tổ chức tốt phong trào thi đua sâu rộng trong công nhân viên chức thực hiện thắng lợi nhiệm vụ của toàn Công ty.
    - Dự thảo các văn bản về nội nghiệp, văn thư lưu trữ. Tổ chức theo dõi, đôn đốc các đơn vị trực thuộc Công ty làm tốt các nội dung công tác nêu trên.
    - Tổ chức tiếp nhận vào sổ các loại giấy tờ, tài liệu công văn đi, đến, trình duyệt và phân phối chuyển giao kịp thời nhanh chóng, chính xác bảo đảm phát huy hiệu lực của văn bản.
    - Thừa ủy nhiệm của Giám đốc tổ chức đón tiếp khách trong và ngoài ngành đến liên hệ giao dịch công tác tại Công ty và thực hiện tốt nhiệm vụ nội chính.
    - Quản lý cấp phát sử dụng các loại giấy tờ cho CBCNV Công ty dùng đi quan hệ giao dịch. Quản lý, cấp phát, sử dụng giấy đi tàu việc riêng theo đúng chế độ hiện hành, quản lý sử dụng con dấu của Công ty theo đúng quy định của Nhà nước.
    - Tổ chức quản lý việc sử dụng nhà ở, nhà làm việc, điện nước thuộc phạm vi toàn Công ty, trên nguyên tắc lấy thu bù chi, không bao cấp về việc sử dụng nhà ở, điện nước và tham mưu biện pháp sửa chữa.
    - Đánh máy, in ấn, photo copy các văn bản, tài liệu của Công ty theo thứ tự ưu tiên nhằm phục vụ tốt cho sản xuất và chịu trách nhiệm soát xét lại

các văn bản trước khi bàn giao cho bộ phận soạn thảo để trình Giám đốc ký.

- Thực hiện công tác lưu trữ hồ sơ theo đúng quy định của công tác văn thư lưu trữ.
- Bảo quản và phát huy có hiệu quả cơ sở vật chất, nâng cao hiệu suất sử dụng các trang thiết bị làm việc hiện có.
- Đổi mới quy trình tập hợp và xử lý thông tin đi đến, giúp cho lãnh đạo nắm bắt nhanh và có hệ thống tình hình SXKD của Công ty.
- Tổ chức tốt công tác phục vụ, tham mưu cho Giám đốc xây dựng cơ quan đơn vị chính quy văn hóa an toàn, đẩy mạnh các hoạt động văn hóa thể thao, phối hợp chăm lo sức khỏe cho CBCNV.
- Quản lý điều hành xe con khi có cán bộ Công ty đi công tác hoặc giải quyết công việc đột xuất khi có lệnh của Giám đốc Công ty.
- Quản lý, theo dõi việc chấp hành thời gian lao động, chấp hành các quy định về lễ tiết tác phong của CBCNV khối cơ quan Công ty.

- **Phòng Tài chính – Kế toán:** Gồm 4 người. Chức năng, nhiệm vụ như sau:

  - **Chức năng:**
    - Tham mưu, giúp Giám đốc Công ty quản lý về công tác Tài chính, kế toán theo quy định tại Điều lệ Tổ chức và hoạt động, quy chế tài chính của Tổng công ty, luật kế toán, luật ngân sách và các quy định khác về công tác tài chính, kế toán của Nhà nước - Hướng dẫn, kiểm tra việc thanh toán các chế độ chính sách cho CBCNV theo quyết định của Nhà nước.
    - Kiểm tra, giám sát việc mua sắm nguyên, nhiên, vật liệu, việc mua sắm TSCĐ, công cụ dụng cụ, phục vụ tốt cho sản xuất, an toàn lao động, an toàn chạy tàu…
  - **Nhiệm vụ:**
    - Tham gia xây dựng kế hoạch quản lý, sửa chữa cơ sở hạ tầng đường sắt, dự toán thu chi tài chính của Công ty.

- Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, tổ chức thực hiện việc thanh toán thu hồi các nguồn vốn sản xuất kinh doanh của Công ty cũng như việc thanh toán công nợ, điều hoà vốn, quản lý các nguồn vốn, các quỹ theo quy định của Nhà nước và của Tổng công ty.
- Tổ chức hạch toán, theo dõi và thống kê kế toán trong Công ty. Thẩm định báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên trên cơ sở đó lập báo cáo chung của Công ty.
- Phân tích hoạt động kinh tế nhằm đánh giá đúng đắn thực trạng về hoạt động, kết quả, hiệu quả và khả năng sinh lời của quá trình sản xuất kinh doanh. Phát hiện những lãng phí, những việc làm kém hiệu quả ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh để đề xuất các giải pháp khắc phục. Đề xuất các biện pháp quản lý, bảo toàn, phát triển vốn. Nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, hiệu quả sử dụngvốn và các nguồn lực khác, hiệu quả hoạt động tài chính, hiệu quả các dự án đầu tư và các lĩnh vực khác liên quan của Công ty.
- Căn cứ báo cáo tài chính hàng năm đã được Liên Bộ tài chính phê duyệt để tham mưu cho Giám đốc công khai một số chỉ tiêu tài chính trước đại hội công nhân viên chức của Công ty.
- Cung cấp tài liệu, số liệu kế toán cho cấp trên và các bộ phận liên quan.

- **Phòng Phòng Kế hoạch - Vật tư:** Gồm 11 người. Chức năng, nhiệm vụ như sau:

- Chức năng:

- Xây dựng chiến lược SXKD, quy hoạch phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh và các lĩnh vực khác liên quan của Công ty; Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch thuộc lĩnh vực kế hoạch sản xuất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- Mua sắm, xuất nhập, bão quản, cấp phát, thu hồi, thanh lý vật tư, vật liệu, nhiên liệu, phương tiện, trang bị, thiết bị, dụng cụ sản xuất và các tài sản khác phục vụ cho công tác sản xuất của công ty theo đúng các quy định hiện hành.

- **Nhiệm vụ:**

✓ **Bộ phận kế hoạch:**

- Tham mưu cho Giám đốc Công ty lựa chọn, cân đối, tổng hợp và quản lý kế hoạch sản xuất kỹ thuật tài chính, kế hoạch xây dựng cơ bản, sửa chữa lớn, sửa chữa khẩn cấp đảm bảo an toàn chạy tàu và kế hoạch sản xuất phụ trong toàn Công ty, đồng thời tham mưu cho Giám đốc biện pháp chỉ đạo và thực hiện các kế hoạch đó.
- Tham mưu cho Giám đốc duyệt và giao kế hoạch sản xuất kỹ thuật tài chính bao gồm: Kế hoạch sửa chữa thường xuyên cơ sở hạ tầng, kế hoạch xây dựng cơ bản cho các Đội, Cung cầu đường cho các Xí nghiệp sản xuất thuộc Công ty.
- Nắm vững đường lối, chủ trương, chính sách, chế độ kinh tế của nhà nước, của Bộ GTVT và của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam trong từng thời kỳ để áp dụng vào công tác nghiệp vụ kế hoạch thống nhất trong toàn Công ty.
- Tổ chức việc lập kế hoạch sản lượng, cân đối các kế hoạch lao động, vật tư, tiền lương để lập ra kế hoạch tài chính Tháng, Quý, Năm sát thực tế của Công ty sau khi được Giám đốc và cấp trên phê duyệt thì tổ chức phổ biến và hướng dẫn đến các phòng nghiệp vụ, các đơn vị để thực hiện kế hoạch đó.
- Tổ chức theo dõi và nắm vững tình hình thực hiện kế hoạch Tháng, Quý, Năm của các đơn vị sản xuất và quá trình thực hiện phải đề ra được các biện pháp cần thiết cho việc hoàn thành kế hoạch một cách toàn diện, quay nhanh và thu hồi nguồn vốn, đầu tư có trọng điểm, có chiều sâu, mang lại hiệu quả kinh tế cao.
- Tham mưu cho Giám đốc cải tiến các phương pháp lập kế hoạch, quản lý kế hoạch và tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ kế hoạch.
- Tham mưu trực tiếp cho Giám đốc ký kết các hợp đồng kinh tế với các đơn vị trong ngành và với các đơn vị kinh tế khác có sự thống nhất của phòng Tài chính – Kế toán. Tổng hợp và theo dõi việc thực hiện hợp

đồng và tham mưu để Giám đốc giải quyết các vướng mắc trong quá trình thực hiện hợp đồng đã ký.

- Theo dõi, đôn đốc các Đội, các Cung cầu đường và các Xí nghiệp sản xuất thực hiện hoàn thành kế hoạch được giao đúng tiến độ, chất lượng đạt loại tốt.
- Quản lý, điều hành phương tiện vận tải: xe Ô tô tải, xe Ô tô ray công vụ (đầu xe sống), và công nhân sử dụng phương tiện vận tải phục vụ kịp thời, hợp lý cho kế hoạch sản xuất của Công ty. Ngoài thời gian vận hành phương tiện và bảo dưỡng, thời gian còn lại công nhân sử dụng phương tiện vận tải phải tham gia trực tiếp sản xuất.

✓ **Bộ phận vật tư:**

- Tổ chức mua sắm, cấp phát vật tư, thiết bị phục vụ kịp thời cho sản xuất.
- Thực hiện tốt công tác quản lý, bảo quản, bảo dưỡng, theo dõi các loại vật tư vật liệu, thiết bị nhập và xuất kho cho các đơn vị đưa vào công trình phục vụ sản xuất, vật tư thu hồi thay ra từ các công trình để gia công, tái chế lại đưa vào phục vụ sản xuất tiết kiệm chi phí giảm giá thành theo đúng các quy định hiện hành của công ty và của ngành.
- Tham mưu cho Giám đốc và Hội đồng thanh lý Công ty về công tác thanh lý các loại vật tư, vật liệu, phương tiện, trang bị, thiết bị dụng cụ sản xuất và các tài sản khác theo đúng các quy định hiện hành.
- Làm tốt công tác thống kê vật tư để tham mưu cho Giám đốc chỉ đạo kịp thời trong sản xuất, tránh để vật tư ứ đọng tồn kho. Thực hiện chế độ thu cũ đổi mới đối với những loại vật tư cần thiết- chấp hành nghiêm chỉnh công tác báo cáo, quyết toán vật tư theo đúng quy định của Nhà nước của ngành.
- Có trách nhiệm quản lý các thiết bị, dụng cụ được cấp cho phòng để làm việc.

- **Phòng Kỹ thuật & An toàn giao thông Đường sắt:** Gồm 10 người. Chức năng, nhiệm vụ như sau:
  - Tham mưu giúp việc cho Giám đốc trong công tác quản lý kỹ thuật;

- Tham mưu cho lãnh đạo công ty trong lĩnh vực đầu tư nâng cấp hạ tầng kỹ thuật, an toàn chạy tàu, quản lý hành lang ATGTĐS và quản lý chất lượng;
- Thực hiện công tác kiểm tra, áp máy, giám sát chỉ đạo thi công, nghiệm thu công trình;
- Thực hiện công tác tư vấn, thiết kế, dự toán, hoàn công các công trình trong và ngoài ngành do Công ty thực hiện;
- Tổ chức, chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị thực hiện theo phân cấp quản lý công tác kỹ thuật: Tham gia Hội đồng khoa học kỹ thuật, chọn chủ nhiệm công trình, xây dựng phương án kỹ thuật, phương án thi công, tổ chức, quản lý thi công, lập báo cáo kỹ thuật, kiểm tra quản lý chất lượng các báo cáo kỹ thuật, quản lý và lưu trữ tài liệu kỹ thuật.Trực tiếp chỉ đạo sản xuất ở các công trình trọng điểm theo phân cấp và tại các công trình do Công ty thi công;
- Chuẩn bị nội dung cho các cuộc họp Hội đồng khoa học kỹ thuật Công ty và xây dựng kế hoạch để thực hiện các kết luận của Hội đồng khoa học kỹ thuật;
- Tổng kết công tác phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới trong sản xuất;
- Quản lý tiêu chuẩn kỹ thuật đúng quy định của ngành đường sắt, hướng dẫn, kiểm tra việc tuân thủ tiêu chuẩn quản lý chất lượng;
- Quan hệ với các tổ chức khảo sát chuyên ngành trong và ngoài ngành để mở rộng thị trường, trao đổi kinh nghiệm và hợp tác trong công tác khoa học kỹ thuật, đổi mới công nghệ;
- Trên cơ sở kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm của Công ty, Phòng Kỹ thuật xây dựng kế hoạch, biện pháp tổ chức thực hiện công tác kỹ thuật, đảm bảo đường lối kỹ thuật thống nhất trong toàn Công ty nhằm nâng cao chất lượng công trình;
- Xây dựng phương án thi công, phòng chống bão lũ, quản lý chất lượng, quản lý hồ sơ liên quan đến công trình kết cấu hạ tầng đường sắt;

- Chủ trì các công việc có liên quan đến nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến hợp thức hóa sản xuất và chuyển giao công nghệ của Công ty;
- Quản lý công tác nghiên cứu khoa học, ứng dụng khoa học kỹ thuật và các giải pháp công nghệ trong sản xuất kinh doanh, công tác đổi mới công nghệ;
- Tham gia công tác đào tạo chuyển giao công nghệ, tổ chức hội thảo chuyên đề về nghiên cứu khoa học chuyên ngành, phổ biến áp dụng công nghệ vào sản xuất kinh doanh;
- Tổ chức nghiên cứu khoa học về chuyên ngành của Công ty để tạo năng lực cạnh tranh trên thị trường;
- Sơ tổng kết hàng năm về công tác kỹ thuật, công tác phòng chống bão lũ, công tác an toàn, tổ chức, hướng dẫn cho đội ngũ cán bộ kỹ thuật, công nhân học tập kỹ thuật mới, không ngừng nâng cao trình độ kỹ thuật, ngoại ngữ, công nghệ thông tin cho cán bộ khoa học kỹ thuật

▪ **Phòng Y tế:** Gồm 3 người thực hiện chức năng, nhiệm vụ sau:

- **Chức năng:**
  - Chăm sóc sức khoẻ cho CBCNV toàn Công ty.
  - Thực hiện các biện pháp giữ gìn vệ sinh trong sản xuất, sinh hoạt, vệ sinh môi trường trong toàn Công ty và các đơn vị Đường sắt dọc tuyến.
  - Tham mưu cho Ban Giám đốc Công ty về tổ chức thực hiện về công tác chăm sóc sức khoẻ, vệ sinh phòng bệnh phòng chống dịch và các hoạt động y tế khác cho CBCNV trong Công ty.
- **Nhiệm vụ:**
  - Lập kế hoạch về các mặt hoạt động y tế, tham gia lập kế hoạch chi phí về lĩnh vực y tế, kế hoạch đầu tư mua sắm thuốc, trang thiết bị y tế. Kế hoạch phòng chống dịch và các kế hoạch khác liên quan để Ban Giám đốc quyết định, chỉ đạo, kiểm tra hướng dẫn và tổ chức thực hiện kế hoạch được duyệt.

- Tổ chức huấn luyện cho người lao động về cách sơ cấp cứu và tổ chức tốt việc thường trực để cấp cứu kịp thời các trường hợp tai nạn lao động, ốm đau đột xuất.
- Tổ chức khám chữa bệnh quỹ Bảo hiểm y tế và chữa bệnh thông thường cho CBCNV trong Công ty. Giới thiệu người đi khám đúng chuyên khoa, lên trên..., xác nhận ngày nghỉ ốm, thai sản cho người lao động theo quy định của Nhà nước và của Tổng Công ty.
- Tham gia chỉ đạo, hướng dẫn và thực hiện sơ cấp cứu hành khách đi tàu khi có yêu cầu và khi có tai nạn giao thông đường sắt xẩy ra trong khu vực.
- Phối hợp chặt chẽ với trung tâm y tế dự phòng đường sắt để thực hiện khám phát hiện và quản lý bệnh nghề nghiệp, quản lý môi trường lao động, quản lý hồ sơ vệ sinh lao động của Công ty, khám quản lý sức khoẻ các chức danh có liên quan trực tiếp để an toàn chạy tàu.
- Phối hợp chặt chẽ với trung y tế dự phòng đường sắt và các tổ chức y tế trong khu vực (y tế địa phương, y tế GTVT) để làm tốt công tác phòng chống dịch bệnh, kiểm tra giám sát bảo vệ môi trường, An toàn thực phẩm.
- Tổ chức sơ cấp cứu tai nạn, ốm đau đột xuất, thực hiện công tác bảo vệ sản xuất lao động nữ, công tác dân số kế hoạch hoá gia đình, quản lý thai sản tổ chức thực hiện khám sức khoẻ định kỳ và quản lý sản xuất đối với CBCVB của Công ty.
- Xây dựng tủ thuốc theo quy định, mua sắm bảo quản thuốc, trang thiết bị y tế, hướng dẫn cho CBCNV. Sử dụng thuốc an toàn hợp lý, kết hợp ứng dụng y học cổ truyền trong phòng và chữa bệnh.
- Bồi dưỡng kiến thức và chỉ đạo hoạt động chuyên môn y tế cho đội ngũ an toàn vệ sinh viên của Công ty.
- Tham gia điều tra các vụ tai nạn lao động trong Công ty và thực hiện các thủ tục để giám định thương tật cho người lao động bị tai nạn lao động, bị bệnh nghề nghiệp.

- Theo dõi, hướng dẫn việc tổ chức thực hiện chế độ bồi dưỡng bằng hiện vật (cơ cấu, định lượng hiện vật, cách tổ chức) cho những người làm việc trong điều kiện lao động có hại đến sức khoẻ.
- Thực hiện việc thống kê, báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao cho cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp, trung tâm y tế Dự phòng đường sắt và các cơ quan quản lý Nhà nước về lĩnh vực y tế theo quy định của Nhà nước và của Tổng công ty.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác thuộc lĩnh vực y tế do Giám đốc giao theo dự chỉ đạo của cơ quan y tế cấp trên.

+ **Các đơn vị trực thuộc:**

▪ **Khách sạn đường sắt**: Gồm 13 người, thực hiện các chức năng, nhiệm vụ sau:

- **Chức năng:**
  - Kinh doanh các dịch vụ: ngủ, nghỉ phục hồi chức năng, ăn uống, giải khát và các dịch vụ du lịch khác theo kế hoạch và quy định Công ty TNHH một thành viên Quản lý đường sắt Quảng Bình, trên cơ sở tuân thủ các chế độ, chính sách, pháp luật của Nhà Nước.
- **Nhiệm vụ:**
  - Tổ chức chỉ đạo công tác sản xuất, kinh doanh hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch doanh thu hàng năm do Công ty giao.
  - Làm tốt công tác phục vụ khách ăn, nghỉ. Thu nộp tài chính đầy đủ theo quy định.
  - Chủ động trong công tác maketing, tìm kiếm mở rộng thị trường. Dựa trên cơ sở kết quả kinh doanh kỳ trước cùng với tiên lượng số khách hàng truyền thống để lên kế hoạch kinh doanh hàng quý, hàng năm trình Giám đốc Công ty.
  - Lập kế hoạch đề xuất với Giám đốc và phòng Tổ chức – Hành chính Công ty để đào tạo và đào tạo lại đội ngũ CBCNV, nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, chất lượng phục vụ khách hàng.

- Thúc đẩy xây dựng các phong trào thi đua, đưa hoạt động của đoàn thể vào nề nếp, nhằm xây dựng phát triển đều về mọi mặt.
- Tham gia giữ gìn an ninh trật tự, làm tốt công tác vệ sinh môi trường.

▪ **Các đội QLĐS:**

- **Chức năng:**
  - Đội Quản lý đường sắt là cấp quản lý trực tiếp giúp Công ty thực hiện các nhiệm vụ được Tổng công ty giao, cụ thể:
    - Quản lý bảo trì, sửa chữa tài sản kết cấu hạ tầng Đường sắt như: Cầu, cống, hầm, đường, nhà ....
    - Quản lý đất đai, nhà cửa, trụ sở làm việc của đội, cung, các trạm tuần gác thuộc phạm vi quản lý.
  - Tham mưu cho Giám đốc Công ty, các phòng nghiệp vụ lập kế hoạch tác nghiệp kỹ thuật công tác sửa chữa bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt, đảm bảo an toàn chạy tàu...
  - Lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát các đơn vị (các cung cầu đường) trong phạm vi quản lý thực hiện các nhiệm vụ Giám đốc giao về kế hoạch sản xuất, công tác bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt, công tác đảm bảo an toàn các mặt đúng nguyên tắc, đúng quy trình và các quy chế, quy định hiện hành của Công ty.
  - Quan hệ với địa phương và các đơn vị liên quan để làm tốt công tác quản lý, bảo vệ đường sắt, giữ gìn trật tự trị an nơi đơn vị đóng quân, phòng chống lụt bão và cứu chữa tai nạn đường sắt khi cần thiết trong phạm vi quản lý.
  - Đội có con dấu riêng và quản lý theo quy định của Nhà nước.
- **Nhiệm vụ:**
  - Nắm chắc trạng thái chất lượng cầu, đường, hầm trong phạm vi quản lý.
  - Căn cứ vào hiện trạng kỹ thuật cầu đường trong phạm vi quản lý để tổ chức điều tra khối lượng (nhân công, vật tư) và phối hợp với các phòng

nghiệp vụ, các bộ phận liên quan tham mưu cho Giám đốc Công ty lập kế hoạch tác nghiệp kỹ thuật công tác bảo trì, sửa chữa kết cấu hạ tầng đường sắt đảm bảo an toàn chạy tàu hàng tháng, quý, năm...

- Căn cứ vào kế hoạch sản xuất Công ty giao và tình hình thực tế của đơn vị (về nhân lực lao động, vật tư, thiết bị), điều kiện thời tiết... để xây dựng kế hoạch sản xuất và tổ chức lãnh đạo, chỉ đạo các đơn vị thực hiện kế hoạch sản xuất đảm bảo đúng tiến độ, chất lượng công trình sản phẩm, an toàn chạy tàu, an toàn lao động, an toàn cháy nổ; đảm bảo thu nhập hài hòa giữa công nhân các hệ và các đơn vị trong phạm vi quản lý.
- Tổ chức kiểm tra thường xuyên theo định kỳ và kiểm tra đột xuất trạng thái kết cấu cơ sở hạ tầng đường sắt, các bộ phận làm nhiệm vụ tuần gác. Khi kiểm tra phải có biên bản kiểm tra hoặc ý kiến vào các sổ nghiệp vụ.
- Cập nhật số liệu quản lý trạng thái cầu, đường, hàng năm. Bổ sung hồ sơ những thay đổi trạng thái trong quá trình quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt.
- Lãnh đạo, chỉ đạo các đơn vị trong phạm vi quản lý thực hiện các nhiệm vụ:
  + Quản lý tốt vật tư, tài sản: Vật tư, vật liệu (vật tư đưa vào công trình, vật tư dự phòng, vật tư thu hồi trên tuyến), máy móc, thiết bị, các dụng cụ, trang thiết bị phục vụ cho sản xuất, đời sống do Công ty cấp hoặc tự mua sắm. Làm tốt công tác bảo quản để không ngừng nâng cao hiệu quả, kéo dài thời gian sử dụng. Trong quá trình sử dụng nếu để hư hỏng do chủ quan thì phải chịu trách nhiệm bồi thường.
  + Quản lý, sử dụng lao động, tổ chức chấm công, bình điểm hàng ngày để trả lương cho người lao động theo đúng quy định đảm bảo tính dân chủ, công bằng, công khai minh bạch theo định hướng chung là: Khuyến khích tăng năng suất lao động, thực hiện nguyên tắc trả lương theo kết quả lao động, người làm nhiều hưởng nhiều, làm ít hưởng ít, không làm không hưởng.

- Tổ chức nghiệm thu các công trình, sản phẩm do các đơn vị trong phạm vi quản lý thực hiện hàng tháng (bao gồm cả hệ tuần gác), đồng thời hoàn thiện các thủ tục, chứng từ liên quan để thanh toán với Công ty đúng quy định.
- Chủ động phối hợp với chính quyền địa phương cấp huyện (thành phố), xã (phường) để làm tốt công tác bảo vệ đường sắt, tuyên truyền vận động chống lấn chiếm, giải toả lấn chiếm và các hành vi vi phạm công trình, hành lang an toàn giao thông đường sắt.
- Báo cáo kịp thời Giám đốc Công ty và các đơn vị, bộ phận liên quan khi có sự cố, tai nạn giao thông đường sắt, bão lũ gây ra. Xử lý và tổ chức các biện pháp đảm bảo an toàn giao thông đường sắt kịp thời trong khả năng của đơn vị.
- Tích cực tìm thêm việc làm, công trình ngoài sản phẩm sửa chữa thường xuyên để nâng cao đời sống cho người lao động. Trước khi thực hiện phải báo cáo xin ý kiến của Giám đốc Công ty.
- Phối hợp với các phòng nghiệp vụ, bộ phận liên quan tổ chức cho người lao động trong các đơn vị học tập và thi quy trình quy phạm, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ định kỳ hàng năm theo quy định. Tổ chức cho công nhân làm bài kiểm tra nghiệp vụ: Đối với công nhân tuần gác 01 lần/tháng, công nhân duy tu 01 lần/quý (đội tự ra câu hỏi kiểm tra, lưu bài kiểm tra tại Ban chỉ huy đội) và báo cáo kết quả về Công ty (qua phòng Tổ chức - Hành chính) hàng tháng, quý. Bộ câu hỏi kiểm tra phải do phòng Tổ chức - Hành chính và phòng Kỹ thuật & An toàn giao thông đường sắt cung cấp.
- Tổ chức thực hiện tốt các phong trào thi đua. Chú trọng phong trào sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất. Sử dụng có hiệu quả các máy móc thiết bị hiện có vào sản xuất, từng bước nâng cao các mặt quản lý. Thường xuyên quan tâm chỉ đạo xây dựng đơn vị "Chính quy - Văn hóa - An toàn".
- Chăm lo sức khoẻ cho người lao động, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, thực hiện công tác phòng bệnh, phòng dịch...

PHẦN III: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP

- **Đội QLĐS 1:** Gồm 139 người, quản lý từ Km 405+000 đến Km 453+000 tuyến đường sắt Hà Nội - TP. Hồ Chí Minh
- **Đội QLĐS 3:** Gồm 132 người, Quản lý từ Km 453+000 đến Km 492+000 tuyến đường sắt Hà Nội - TP. Hồ Chí Minh
- **Đội QLĐS 4:** Gồm 148 người, quản lý từ Km 492+000 đến Km 536+000 tuyến đường sắt Hà Nội - TP. Hồ Chí Minh
- **Đội QLĐS 5:** Gồm 118 người, quản lý từ Km 536+000 đến Km 579+500 tuyến đường sắt Hà Nội - TP.Hồ Chí Minh
- **Xí nghiệp Xây dựng công trình:** Gồm 41 người, với chức năng, nhiệm vụ:
    - Xây dựng các công trình giao thông đường sắt, đường bộ, công trình thuỷ lợi, công trình dân dụng và công nghiệp; đường dây và trạm biến áp công trình thông tin, viễn thông, tín hiệu giao thông.
    - Tổ chức ứng phó sự cố thiên tai, cứu nạn và tai nạn giao thông đường sắt.
    - Hợp tác liên doanh, liên kết với các tổ chức trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật và của Công ty TNHH một thành viên Quản lý đường sắt Quảng Bình để thực hiện mục đích kinh doanh, tìm kiếm lợi nhuận.
    - Các ngành nghề khác được Công ty giao phù hợp với ngành nghề đăng ký kinh doanh của Công ty.
- **Xí nghiệp Sản xuất vật liệu và Xây dựng tổng hợp:** Gồm 49 người, với chức năng, nhiệm vụ:
    - Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng và kết cấu thép chuyên ngành gồm: Tà vẹt bê tông đường sắt; các kết cấu thép, bê tông cốt thép; phụ kiện đường sắt và các sản phẩm cơ khí.
    - Sản xuất, sửa chữa các loại phụ kiện, máy móc thiết bị phục vụ thi công công trình; các công cụ, dụng cụ lao động, trang thiết bị bảo hộ lao động.
    - Xây dựng các công trình giao thông đường sắt, đường bộ, công trình thuỷ lợi, công trình dân dụng và công nghiệp; đường dây truyền tải điện và trạm biến áp (công trình thông tin, viễn thông, tín hiệu giao thông).

- Tổ chức ứng phó sự cố thiên tai, cứu nạn và tai nạn giao thông đường sắt.
- Khai thác, sản xuất đá, cát và kinh doanh các sản phẩm từ đá, cát.
- Cho thuê văn phòng, cửa hàng, kho bãi và dịch vụ khác.
- Hợp tác liên doanh, liên kết với các tổ chức trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật và của Công ty TNHH một thành viên Quản lý đường sắt Quảng Bình để thực hiện mục đích kinh doanh, tìm kiếm lợi nhuận.
- Các ngành nghề khác được Công ty giao phù hợp với ngành nghề đang ký kinh doanh của Công ty.

6. Tổng số lao động tiếp tục chuyển sang công ty cổ phần

Tổng số lao động có tên trong Công ty tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp là: 696 người với cơ cấu như sau:

Bảng 1: Cơ cấu lao động tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp

Cơ cấu lao động	Số người	Tỷ lệ %
Tổng số lao động	**696**	**100**
Trong đó:		
Phân theo trình độ:		
- Trình độ đại học và trên đại học	54	7,8
- Trình độ cao đẳng, trung cấp	113	16,2
- Công nhân kỹ thuật	529	76,0
- Lao động khác	0	0
Phân theo tính chất hợp đồng lao động:		
- Lao động thuộc diện không ký hợp đồng lao động	06	0,9
- Lao động không xác định thời hạn	690	99,1
- Lao động có thời hạn từ 12 tháng đến 36 tháng	0	0

(Nguồn: Công ty TNHH một thành viên Quản lý đường sắt Quảng Bình)

PHẦN III: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP

Tổng số lao động tiếp tục chuyển sang công ty cổ phần là: 609 người với cơ cấu như sau:

Bảng 2: Cơ cấu lao động chuyển sang công ty cổ phần

Cơ cấu lao động	Số người	Tỷ lệ %
Tổng số lao động	**609**	**100**
Trong đó:		
Phân theo trình độ lao động:		
- Lao động có trình độ đại học và trên đại học	53	8,7
- Lao động có trình độ cao đẳng, trung cấp	109	17,9
- Lao động đã được đào tạo qua các trường công nhân kỹ thuật, dạy nghề	447	73,4
- Lao động chưa qua đào tạo	0	0
Phân theo tính chất hợp đồng lao động:		
- Lao động thuộc diện không ký hợp đồng lao động	6	1,0
- Lao động làm việc theo HĐLĐ không xác định thời hạn	603	99
- Lao động làm việc theo HĐLĐ có thời hạn từ đủ 12 tháng đến 36 tháng	0	0

(Nguồn: Công ty TNHH một thành viên Quản lý đường sắt Quảng Bình)

7. Giá trị thực tế của doanh nghiệp tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa

Căn cứ Quyết định số 2337/QĐ-BGTVT ngày 30/06/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa của Công ty TNHH một thành viên Quản lý đường sắt Quảng Bình, giá trị doanh nghiệp tại ngày 31/12/2014 của Công ty TNHH một thành viên Quản lý đường sắt Quảng Bình để cổ phần hóa như sau:

PHẦN III: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP

Giá trị thực tế của doanh nghiệp để cổ phần hóa: 89.070.215.539 đồng

(Bằng chữ: Tám mươi chín tỷ, không trăm bảy mươi triệu, hai trăm mười lăm nghìn, năm trăm ba mươi chín đồng).

Trong đó:

Giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp: 15.303.812.948 đồng

(Bằng chữ: Mười lăm tỷ, ba trăm linh ba triệu, tám trăm mười hai nghìn, chín trăm bốn mươi tám đồng).

Giá trị thực tế của doanh nghiệp để cổ phần hóa tại thời điểm ngày 31/12/2014 của Công ty TNHH một thành viên Quản lý đường sắt Quảng Bình được trình bày chi tiết ở bảng sau:

Bảng 3: Giá trị thực tế của doanh nghiệp để cổ phần hóa tại thời điểm ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Số liệu sổ sách sau xử lý tài chính	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)=(3)-(2)*
A. Tài sản đang dùng (I+II+III+IV)	**80.427.011.569**	**89.070.215.539**	**8.643.203.970**
I. Tài sản cố định và đầu tư dài hạn	**22.809.331.176**	**28.858.950.771**	**6.049.619.595**
1. Tài sản cố định	22.677.074.741	28.424.208.322	5.747.133.581
a. Tài sản cố định hữu hình	22.677.074.741	28.424.208.322	5.747.133.581
6. Chi phí trả trước dài hạn (chưa gồm giá trị lợi thế kinh doanh)	132.256.435	434.742.449	302.486.014
II. Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn	**57.617.680.393**	**57.617.680.341**	**-52**
1. Tiền	27.104.031.183	27.104.031.131	-52

PHẦN III: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Số liệu sổ sách sau xử lý tài chính	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)=(3)-(2)*
a. Tiền mặt tồn quỹ	25.695.052	25.695.000	-52
b. Tiền gửi ngân hàng	27.078.336.131	27.078.336.131	0
3. Các khoản phải thu	19.264.349.441	19.264.349.441	0
4. Vật tư hàng hoá tồn kho	11.017.515.362	11.017.515.362	0
5. Tài sản lưu động ngắn hạn khác	231.784.407	231.784.407	0
III. Giá trị lợi thế kinh doanh của Doanh nghiệp	**0**	**2.593.584.427**	**2.593.584.427**
IV. Giá trị quyền sử dụng đất	**0**	**0**	**0**
B. Tài sản giữ hộ Nhà nước	**243.947.810.310**	**243.947.810.310**	**0**
I. Tài sản cố định và đầu tư dài hạn	**243.947.810.310**	**243.947.810.310**	**0**
1. Tài sản cố định hữu hình	218.733.138.164	218.733.138.164	0
2. Tài sản cố định vô hình	25.214.672.146	25.214.672.146	0
II. Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn	**0**	**0**	**0**
C. Tài sản cố định bàn giao về Nhà nước	**2.364.455.909**	**2.364.455.909**	**0**
I. Tài sản cố định và đầu tư dài hạn	**2.364.455.909**	**2.364.455.909**	**0**
1. Tài sản cố định hữu hình	2.364.455.909	2.364.455.909	0
D. Tài sản hình thành từ quỹ phúc lợi, khen thưởng	**1.184.648.211**	**1.184.648.211**	**0**

PHẦN III: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Số liệu sổ sách sau xử lý tài chính	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)=(3)-(2)*
TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA DN (A+ B+ C+ D)	**327.923.925.999**	**336.567.129.969**	**8.643.203.970**
Trong đó:			
TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ DOANH NGHIỆP (Mục A)	**80.427.011.569**	**89.070.215.539**	**8.643.203.970**
E1. Nợ thực tế phải trả	**74.060.580.578**	**73.766.402.591**	**-294.177.987**
Trong đó: Giá trị quyền sử dụng đất mới nhận giao phải nộp NSNN	0	0	0
E2. Nguồn kinh phí sự nghiệp	**0**	**0**	**0**
TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP {A-(E1+E2)}	**6.366.430.991**	**15.303.812.948**	**8.937.381.957**

(Nguồn: Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp và Biên bản thẩm tra xác định giá trị doanh nghiệp ngày 15/4/2015 của Công ty TNHH một thành viên Quản lý đường sắt Quảng Bình)

- **Các vấn đề cần tiếp tục xử lý:**

  + **Đối với đất đai**: Theo phương án sử dụng đất khi chuyển sang Công ty cổ phần, Công ty đề nghị xin thuê đất trả tiền hàng năm theo hồ sơ pháp lý hiện tại với toàn bộ các lô đất đang quản lý, sử dụng. Theo đó, không tính giá trị quyền sử dụng đất vào giá trị doanh nghiệp. Trường hợp đến thời điểm Công ty chính thức chuyển đổi sang hình thức Công ty cổ phần, nếu

cơ quan có thẩm quyền có ý kiến khác về các phương án sử dụng đất và giá đất thì thực hiện điều chỉnh bổ sung (nếu có) trước thời điểm Công ty chính thức chuyển sang Công ty cổ phần.

+ **Đối với các khoản phải thu, phải trả**: Các khoản phải thu, phải trả được xác định trên cơ sở hồ sơ tài liệu của Công ty cung cấp và kết quả kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2011, 2012, 2013, tại ngày 31/12/2014 do các Công ty kiểm toán độc lập thực hiện. Công ty có trách nhiệm tiếp tục đối chiếu, xác nhận các khoản phải thu, các khoản phải trả này theo quy định và điều chỉnh các khoản chênh lệch (nếu có) trước khi Công ty chính thức chuyển đổi sang Công ty cổ phần.
+ **Xử lý vật tư thu hồi**: Tại thời điểm 31/12/2014, Công ty TNHH một thành viên Quản lý đường sắt Quảng Bình còn tồn tại khoản vật tư thu hồi giữ hộ Nhà nước với giá trị tạm tính là: 2.163.781.970 đồng (đang theo dõi ngoại bảng). Chênh lệch giá trị vật tư thu hồi giữa giá bán và giá hạch toán là 3.145.643.145 đồng đang theo dõi trên khoản phải trả khác. Công ty TNHH một thành viên Quản lý đường sắt Quảng Bình có trách nhiệm khẩn trương triển khai công tác bán thanh lý các vật tư thu hồi nêu trên. Khoản chênh lệch giữa giá bán và chi phí tổ chức tổ chức công tác thanh lý được nộp về Ngân sách Nhà nước.
+ **Một số vấn đề khác**: Tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp, Công ty chưa được cơ quản quản lý thuế kiểm tra quyết toán thuế năm 2013 và tại thời điểm ngày 31/12/2014. Do vậy, các khoản chênh lệch về nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước nếu có sẽ được điều chỉnh ngay khi có ý kiến của các cấp có thẩm quyền hoặc tại thời điểm Công ty chính thức chuyển đổi thành Công ty cổ phần.

8. Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp

8.1. Tình hình đất đai

Đến thời điểm hiện tại, Công ty đang quản lý 02 (hai) mảnh đất với tổng diện tích là 15.764 m^2. Các khu đất hiện tại Công ty đang quản lý và sử dụng như sau:

PHẦN III: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP

Bảng 4: Tình hình đất đai

STT	Địa chỉ lô đất	Tình trạng sở hữu	Hồ sơ pháp lý	Diện tích (m^2)	Mục đích sử dụng hiện tại	Phương án sử dụng đất sau CPH
1	377 Trần Hưng Đạo, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	Thuê đất	Giấy CN QSD đất số 18/QĐ-UB ngày 09/01/2015 của UBND tỉnh Quảng Bình	13.550	Nhà điều hành và công trình phụ trợ	Trụ sở công ty và các công trình kiến trúc phụ trợ
2	Đường Trương Pháp – Hải Thành, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	Thuê đất. Thời hạn 30 năm	- Giấy CN QSD đất số 00003 ngày 8/2/2002 của UBND tỉnh Quảng Bình - Quyết định số 280/QĐ-UB ngày 08/02/2015 của UBND tỉnh Quảng Bình	2.214	Khách sạn đường sắt	Khách sạn đường sắt

(Nguồn: Công ty TNHH một thành viên Quản lý đường sắt Quảng Bình)

Trong đó:

- Với mảnh đất tại địa chỉ 377 Trần Hưng Đạo, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình: Hiện nay Công ty đang lập Hợp đồng thuê đơn vị tư vấn nhằm quy

hoạch, tách diện tích theo mục đích sử dụng và làm việc với tỉnh Quảng Bình để chấp thuận phương án sử dụng đất theo 07 chức năng:

+ Đất khu điều hành: bao gồm nhà làm việc Công ty, nhà Hội trường
+ Đất khu kinh doanh: nhà khách Công ty, trạm xăng dầu Thuận Lý...
+ Đất khu thể thao, văn hóa: khu liên hiệp TTVH: nhà ăn, sân Tennis
+ Đất khu nhà kho: Kho chứa vật tư, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải
+ Đất khu sản xuất: nhà xưởng cơ khí
+ Đất khu bến bãi: bể ngâm tà vẹt bê tông, tập kết vật tư thu hồi...
+ Đất khu nhà công vụ: nhà làm việc của các đội QLĐS, nhà lưu trú của CBCNV.

- Với mảnh đất tại địa chỉ Đường Trương Pháp – Hải Thành, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình: Công ty sẽ tiến hành mở rộng mô hình kinh doanh dịch vụ du lịch, tiến tới đề nghị Tổng công ty Đường sắt Việt Nam tiếp tục bán phần vốn Nhà nước tại Công ty để kêu gọi, thu hút vốn đầu tư từ bên ngoài tái đầu tư, đẩy mạnh mô hình kinh doanh dịch vụ, mang lại hiệu quả kinh doanh dịch vụ và lợi tức cho cổ đông.
- Ngoài 02 (hai) mảnh đất nêu trên, trước cổ phần hóa Công ty còn quản lý, sử dụng các Cơ sở nhà, đất nằm trong đất dành cho đường sắt; đất nằm trong quy hoạch phát triển đường sắt (chuyển trả về Tổng công ty Đường sắt Việt Nam) và các Cơ sở nhà, đất nằm ngoài đất dành cho đường sắt; đất nằm ngoài quy hoạch phát triển đường sắt (chuyển trả về Tổng công ty Đường sắt Việt Nam và trả về địa phương).

Về phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa của Công ty: Ngày 26/06/2015, Tổng công ty Đường sắt Việt Nam đã có Quyết định số 860/QĐ-ĐS về việc chấp thuận Phương án Sử dụng đất và tài sản của Công ty TNHH một thành viên Quản lý đường sắt Quảng Bình để thực hiện cổ phần hóa. Trên cơ sở đó, ngày 28/07/2015, Công ty cũng đã có tờ trình số 628A/TTr-DSQB gửi Ủy Ban nhân dân tỉnh Quảng

Bình về Phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa của Công ty. Hiện tại Phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa nêu trên của Công ty đang trong quá trình xem xét của Ủy Ban nhân dân tỉnh Quảng Bình.

8.2. Thực trạng tài sản

Tổng giá trị tài sản của Công ty theo số liệu sổ sách sau xử lý tài chính tại ngày 31/12/2014 là **327.923.925.999** đồng, bao gồm:

Bảng 5: Danh mục tài sản của Công ty TNHH một thành viên Quản lý đường sắt Quảng Bình tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp theo số liệu sổ sách sau xử lý tài chính

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Số liệu sổ sách sau xử lý tài chính	% trong cơ cấu tài sản
	(1)	*(2)*	*(3)*
A.	**TÀI SẢN ĐANG DÙNG (I+II+III+IV)**	**80.427.011.569**	**24,53%**
I.	**Tài sản cố định và đầu tư dài hạn**	**22.809.331.176**	**6,96%**
1.	Tài sản cố định	22.677.074.741	6,92%
a.	Tài sản cố định hữu hình	22.677.074.741	6,92%
6.	Chi phí trả trước dài hạn (chưa gồm giá trị lợi thế kinh doanh)	132.256.435	0,04%
II.	**Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn**	**57.617.680.393**	**17,57%**
1.	Tiền	27.104.031.183	8,27%
a.	Tiền mặt tồn quỹ	25.695.052	0,01%
b.	Tiền gửi ngân hàng	27.078.336.131	8,26%

PHẦN III: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP

STT	Chỉ tiêu	Số liệu sổ sách sau xử lý tài chính	% trong cơ cấu tài sản
	(1)	*(2)*	*(3)*
3.	Các khoản phải thu	19.264.349.441	5,87%
4.	Vật tư hàng hoá tồn kho	11.017.515.362	3,36%
5.	Tài sản lưu động ngắn hạn khác	231.784.407	0,07%
III.	**Giá trị lợi thế kinh doanh của DN**	**-**	**0,00%**
IV.	**Giá trị quyền sử dụng đất**	-	0,00%
B.	**TÀI SẢN GIỮ HỘ NHÀ NƯỚC**	**243.947.810.310**	**74,39%**
I.	**Tài sản cố định và đầu tư dài hạn**	**243.947.810.310**	**74,39%**
1.	Tài sản cố định hữu hình	218.733.138.164	66,70%
2.	Tài sản cố định vô hình	25.214.672.146	7,69%
II.	**Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn**	-	**0,00%**
C.	**Tài sản cố định bàn giao về Nhà nước**	**2.364.455.909**	**0,72%**
I.	**Tài sản cố định và đầu tư dài hạn**	**2.364.455.909**	**0,72%**
1.	Tài sản cố định hữu hình	2.364.455.909	0,72%
D.	**Tài sản hình thành từ quỹ phúc lợi, khen thưởng**	**1.184.648.211**	**0,36%**
	TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA DOANH NGHIỆP (A + B + C + D)	**327.923.925.999**	**100%**

(Nguồn: Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp Công ty TNHH một thành viên Quản lý đường sắt Quảng Bình)

PHẦN III: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP

9. Chủ sở hữu Công ty và Danh sách công ty con và công ty liên kết, liên doanh của Công ty

9.1. Chủ sở hữu Công ty

Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam là Chủ sở hữu, nắm giữ 100% vốn điều lệ của Công ty TNHH một thành viên Quản lý đường sắt Quảng Bình.

9.2. Danh sách công ty con và công ty liên kết, liên doanh của Công ty

Không có.

10. Tình hình hoạt động kinh doanh và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 03 năm trước khi cổ phần hóa

10.1. Tình hình hoạt động kinh doanh

10.1.1. Đánh giá hiệu quả kinh doanh của Công ty TNHH một thành viên Quản lý đường sắt Quảng Bình trong giai đoạn 2012 đến nay

Giai đoạn từ năm 2012 đến hiện tại, đặc biệt là năm 2013 và từ đầu năm 2014 đến nay, do chịu ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng suy thoái kinh tế thế giới nói chung và tình hình khó khăn của nền kinh tế trong nước nói riêng nên việc sản xuất kinh doanh của Công ty cũng bị chi phối nặng nề. Tuy vậy, với đội ngũ lãnh đạo có trình độ quản lý cao cùng đội ngũ nhân viên với trình độ chuyên môn nghiệp vụ tốt và tinh thần đoàn kết cùng nỗ lực vượt khó của tập thể Cán bộ Công nhân viên Công ty đã giúp Công ty vượt qua giai đoạn khó khăn và nỗ lực để hoàn thành kế hoạch đề ra, góp phần giữ vững uy tín và vị thế của Công ty trên thị trường. Công ty đã phát huy, nâng cao tính năng động, chủ động nghiên cứu và tìm kiếm thị trường, nắm bắt và xử lý thông tin kịp thời nhằm đưa ra những chính sách hiệu quả, định hướng tập trung vào sản xuất chất lượng cao, đa dạng hóa sản phẩm. Công ty lấy chất lượng sản phẩm để cam kết với khách hàng. Tham khảo nghiên cứu đưa ra các sản phẩm mang tính chất cạnh tranh, đáp ứng tốt nhu cầu của khách hàng hiện tại, thu hút những nguồn hàng và khách hàng mới. Bên cạnh

đó, Công ty cũng không ngừng tiếp tục bồi dưỡng, nâng cao trình độ quản lý và chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên Công ty.

Năm 2014, Tổng Doanh thu và Thu nhập khác của Công ty đạt 125,1 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 4,2 tỷ đồng (tăng 11,7% so với năm 2013).

Kết quả đã đạt được nêu trên phần nào đã thể hiện được sự nỗ lực cố gắng của Ban lãnh đạo Công ty và toàn thể Cán bộ Công nhân viên Công ty TNHH một thành viên Quản lý đường sắt Quảng Bình trong quá trình xây dựng và phát triển Công ty ngày một vững mạnh và phát triển.

10.1.2.Sản lượng sản phẩm/ giá trị dịch vụ qua các năm

Bảng 6: Cơ cấu doanh thu và thu nhập khác của Công ty giai đoạn 2012 – 30/06/2015

Khoản mục	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014		Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	
	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ %(*)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ %(*)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ %(*)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ %(*)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	97.028	98,93	119.344	98,85	120.981	96,71	22.846	98,85
Doanh thu hoạt động tài chính	914	0,93	513	0,42	612	0,49	234	1,01
Thu nhập khác	137	0,14	880	0,73	3.500	2,80	35	0,15
Tổng doanh thu và thu nhập khác	**98.079**	**100**	**120.737**	**100**	**125.093**	**100**	**23.111**	**100**

(Nguồn: BCTC năm 2012, 2013, 2014 đã được kiểm toán của Công ty TNHH một thành viên Quản lý đường sắt Quảng Bình và BCTC Quý II năm 2015 do Công ty lập)

(*) Tỷ lệ trên tổng doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ luôn chiếm tỷ trọng chủ yếu trong cơ cấu tổng doanh thu và thu nhập khác của Công ty giai đoạn 2012 – 31/03/2015.

10.1.3.Nguyên vật liệu

Trong nền kinh tế thị trường với chính sách phát triển kinh tế nhiều thành phần, mọi thành phần kinh tế đều được tự do phát triển và cạnh tranh lành mạnh. Các đơn vị được quyền tự chủ trong sản xuất kinh doanh từ việc lựa chọn sản phẩm sản xuất đến lựa chọn nguồn thu mua nguyên vật liệu ... đều do doanh nghiệp tự quyết định. Song nguyên vật liệu được sử dụng trong sản xuất tại Công ty chủ yếu từ các đơn vị cung ứng vật liệu trực thuộc Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, các đơn vị khai thác đá ở địa phương và các Tổng đại lý vật liệu trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

10.1.4.Chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty giai đoạn 2012 – 30/06/2015

Bảng 7: Cơ cấu chi phí của Công ty giai đoạn 2012 – 30/06/2015

Khoản mục	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014		Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	
	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ %(*)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ %(*)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ %(*)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ %(*)
Giá vốn hàng bán	87.864	92,94	107.349	91,80	109.811	90,87	19.004	83,16
Chi phí quản lý DN	6.652	7,04	8.581	7,34	7.360	6,09	3.817	16,7
Chi phí khác	23	0,02	1.007	0,86	3.679	3,04	33	0,14
Tổng chi phí	**94.539**	**100**	**116.937**	**100**	**120.850**	**100**	**22.853**	**100**

(Nguồn: BCTC năm 2012, 2013, 2014 đã được kiểm toán của Công ty TNHH một thành viên Quản lý đường sắt Quảng Bình và BCTC Quý II năm 2015 do Công ty lập)

(*) Tỷ lệ trên tổng chi phí

Giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Ngoài ra chi phí quản lý doanh nghiệp cũng chiếm tỷ trọng đáng kể trong cơ cấu chi phí của Công ty, chi phí khác chiếm tỷ trọng không đáng kể, Công ty không phát sinh chi phí tài chính và chi phí bán hàng.

10.1.5.Trình độ công nghệ

Hiện nay, Công ty sử dụng công nghệ tiên tiến là Máy chèn 08-8GS của Cộng hòa Áo, máy chèn Bard, máy đa năm KGT của Pháp v.v... Một số máy móc thiết bị chính của Công ty được liệt kê trong bảng sau:

Bảng 8: Danh sách một số máy móc, thiết bị của Công ty

TT	Tên máy móc thiết bị	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Nguyên giá	Giá trị còn lại
1	Máy mài ray	Việt Nhật	2007	**2.054.914.634**	**787.883.460**
2	Máy dao động 2009	Trung Quốc	2009	113.602.000	53.014.267
3	Máy cắt ray	Trung Quốc	2010	157.500.000	94.500.000
4	Máy phát điện Ka ma	Trung Quốc	2010	179.000.000	119.333.333
5	Thiết bị nắn ray thủy lựcYZGII	Trung Quốc	2012	140.000.000	93.333.333
6	Máy phát điện DENVONEW240	Trung Quốc	1997	199.615.000	174.663.000
7	Máy bộ đàm Motorola GM300	Trung Quốc	1996	75.000.000	15.000.000
8	Máy đột dập	Việt Nam	2003	31.830.000	6.366.000
9	Máy búa	Việt Nam	2003	97.237.762	19.447.552

TT	Tên máy móc thiết bị	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Nguyên giá	Giá trị còn lại
10	Máy vặn xiết Bu long	Pháp	2003	48.619.000	9.723.800
11	Máy cao đạc	Nhật	2004	155.109.158	31.021.832
12	Máy cưa ray	Partner	2004	88.490.000	17.698.000
13	Máy khoan ray	Pháp	2004	44.943.000	8.988.600
14	Máy vặn xiết Bu long	Pháp	2004	58.780.000	11.756.000
15	Máy kinh vĩ, máy thuỷ bình	Nhật Bản	2005	170.082.000	34.016.400
16	Máy mài ray	Pháp	2005	53.653.000	10.730.600
17	Thiết bị điều chỉnh khe hở ray	Trung Quốc	2005	177.325.714	35.465.143
18	Máy Vặn Bu long	Nhật	2006	61.928.000	12.385.600
	Tổng			**2.054.914.634**	**787.883.460**

(Nguồn: Công ty TNHH một thành viên Quản lý đường sắt Quảng Bình)

Còn lại là hệ thống các máy móc, thiết bị khác phục vụ cho quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty.

10.1.6. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

Công ty TNHH một thành viên Quản lý đường sắt Quảng Bình là một đơn vị hoạt động trong lĩnh vực quản lý đường sắt, yếu tố công nghệ luôn được đặc biệt chú trọng. Do vậy, không ngừng nâng cao chất lượng thi công công trình là mục tiêu và chiến lược phát triển của Công ty. Công ty TNHH một thành viên Quản lý đường sắt Quảng Bình đã thực hiện thành thạo và thường xuyên cải tiến nâng cao hiệu quả công nghệ thi công đại tu, đặt mới các công trình đường sắt; đặt ghi trên đường sắt đang khai thác; thi công công trình cầu đường sắt; … Hiện nay Công ty áp dụng Quy trình kiểm soát chất lượng sản phẩm như sau:

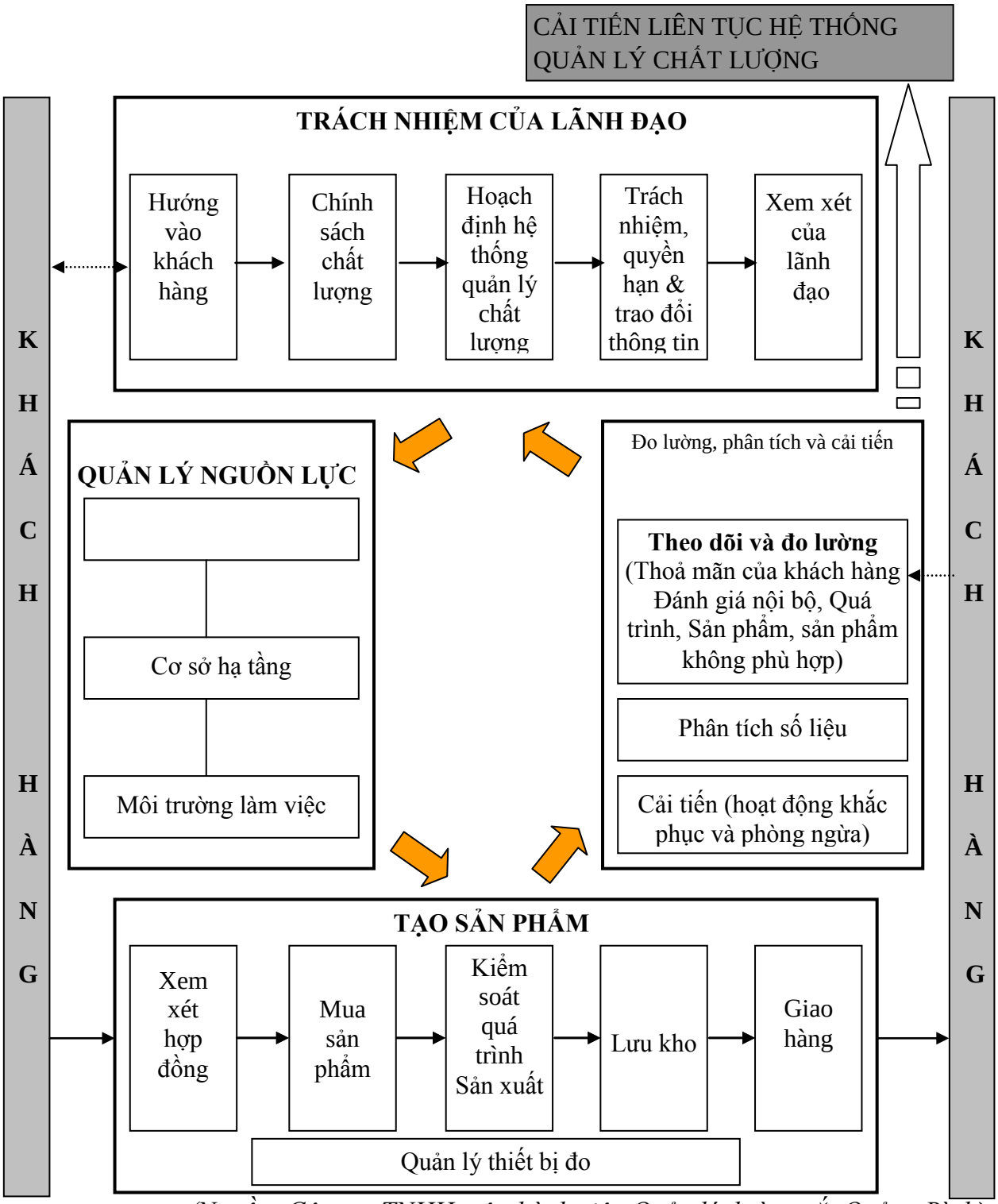

(Nguồn: Công ty TNHH một thành viên Quản lý đường sắt Quảng Bình)

10.1.8.Hoạt động Marketing

Qua hơn 30 (ba mươi) năm xây dựng và trưởng thành, thương hiệu Quản lý Đường sắt Quảng Bình đã được khẳng định bởi uy tín, chất lượng các công trình dự án hoàn thành và được Tổng công ty Đường sắt Việt Nam đánh giá cao.

Để đạt được những kết quả đó trước hết Công ty luôn coi khách hàng là trung tâm. Công ty tiến hành thu thập các thông tin từ các chủ đầu tư, khách hàng để đáp ứng các yêu cầu của khách hàng và coi đó là một trong những thước đo mức độ thực hiện hiệu quả Hệ thống quản lý chất lượng.

Công ty luôn phấn đấu hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra, kinh doanh có hiệu quả. Hoạt động sản xuất kinh doanh trên cơ sở sự phân tích đánh giá thị trường kỹ lưỡng để đưa ra các quyết sách hợp lý, nhằm đạt được niềm tin của khách hàng cũng như đem lại hiệu quả cho bản thân doanh nghiệp

10.1.9.Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Trước cổ phần hóa, Công ty TNHH một thành viên Quản lý đường sắt Quảng Bình chưa sử dụng logo.

10.1.10. Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết

Bảng 9: Một số hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết

STT	Số hợp đồng	Trị giá (đồng)	Ngày ký kết hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng	Nội dung	Đối tác trong hợp đồng
1	09-13/HĐ-CSHT	93.257.293.760	04/1/2013	365 ngày	Hợp đồng bảo trì KCHTĐS	Ban QLCSHTĐS-Tổng công ty ĐSVN
2	02-09-14/HĐ-CSHT	94.429.760.290	04/1/2013	365 ngày	Hợp đồng bảo trì KCHTĐS	Ban QLCSHTĐS-Tổng công ty ĐSVN
3	09/HĐ-QLBDTX	94.582.771.000	31/12/2014	365 ngày	Hợp đồng đặt hàng bảo trì KCHTĐS	Tổng công ty ĐSVN

(Nguồn: Công ty TNHH một thành viên Quản lý đường sắt Quảng Bình)

10.2. Tình hình tài chính và Kết quả kinh doanh của Công ty giai đoạn 2012 – 30/06/2015 và một số chỉ tiêu dự kiến năm 2015

Bảng 10: Kết quả kinh doanh giai đoạn 2012 – 30/06/2015 và một số chỉ tiêu dự kiến năm 2015

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chỉ tiêu (cuối kỳ)	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Một số chỉ tiêu dự kiến năm 2015
1	Tổng tài sản	186.009.065.711	251.525.843.039	330.087.707.969	353.319.869.999	360.000.000.000
2	Vốn chủ sở hữu	115.111.202.079	158.175.135.111	254.736.371.381	240.611.940.705	236.415.000.000
	Trong đó:					
-	*Vốn chủ sở hữu*	*13.417.946.495*	*13.609.398.215*	*10.788.561.071*	*10.109.994.598*	*11.415.000.000*
+	*Vốn đầu tư của chủ sở hữu*	*10.132.232.819*	*10.571.755.893*	*10.571.755.893*	*9.915.535.111*	*9.915.535.111*
-	*Nguồn kinh phí và quỹ khác*	*101.693.255.584*	*144.565.736.896*	*243.947.810.310*	*230.501.946.107*	*225.000.000.000*
3	Nợ ngắn hạn	54.762.638.939	79.240.578.541	62.907.868.104	86.133.745.281	70.000.000.000
	Trong đó:					
-	*Nợ ngắn hạn*	*54.762.638.939*	*79.240.578.541*	*62.907.868.104*	*86.133.745.281*	*70.000.000.000*
-	*Nợ quá hạn*	*0*	*0*	*0*	*0*	
4	Nợ dài hạn	16.135.224.693	14.110.129.387	12.443.468.484	26.574.184.013	24.974.184.013

PHẦN III: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chỉ tiêu (cuối kỳ)	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Một số chỉ tiêu dự kiến năm 2015
	Trong đó:					
-	*Nợ dài hạn*	*16.135.224.693*	*14.110.129.387*	*12.443.468.484*	*26.574.184.013*	*24.974.184.013*
-	*Nợ quá hạn*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*
5	Nợ phải thu khó đòi	372.849.778	372.849.778	0	0	0
6	Tổng số lao động	759	755	749	696	696
7	Tổng quỹ lương	40.717.437.000	44.703.697.000	47.649.340.000	24.393.186.000	49.030.846.000
8	Thu nhập bình quân 1 người/tháng	4.500.000	4.952.000	5.352.000	5.919.600	5.870.000
9	Tổng doanh thu và thu nhập khác	98.079.636.749	120.737.132.697	125.093.528.566	23.111.827.554	109.090.908.000
	Trong đó:					
-	*Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV*	*97.028.241.489*	*119.343.649.194*	*120.981.870.459*	*22.845.769.207*	*109.090.908.000*
10	Tổng chi phí	94.538.376.919	116.936.582.545	120.849.973.007	22.853.334.107	107.590.908.000

PHẦN III: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chỉ tiêu (cuối kỳ)	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Một số chỉ tiêu dự kiến năm 2015
-	*Trong đó:* *Giá vốn hàng bán*	*87.863.757.785*	*107.348.731.732*	*09.811.060.807*	*19.003.753.362*	*98.983.635.000*
11	Lợi nhuận trước thuế	3.541.259.830	3.800.550.152	4.243.555.559	258.493.447	1.500.000.000
12	Lợi nhuận sau thuế	2.921.539.360	2.831.840.383	3.309.973.336	194.459.487	1.170.000.000
13	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu (cuối kỳ, bao gồm nguồn kinh phí và quỹ khác)	2,54%	1,79%	1,30%	-	0,49%
14	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (cuối kỳ, không bao gồm nguồn kinh phí và quỹ khác)	21,77%	20,81%	30,68%	-	10,25%

(Nguồn: Số liệu cuối kỳ tại BCTC năm 2012, 2013, 2014 đã được kiểm toán của Công ty TNHH một thành viên Quản lý đường sắt Quảng Bình, BCTC Quý II năm 2015 do Công ty lập và một số chỉ tiêu dự kiến năm 2015 do Công ty cung cấp)

PHẦN III: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP

Bảng 11: Một số chỉ tiêu tài chính giai đoạn 2012 – 2014

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán *(Tại thời điểm cuối kỳ)*			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn (Lần) (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	0,97	0,99	0,95
- Hệ số thanh toán nhanh (Lần) [(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn]	0,52	0,60	0,74
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn *(Tại thời điểm cuối kỳ)*			
- Hệ số Nợ/Tổng Tài sản (%)	38,11%	37,11%	22,83%
- Hệ số Vốn chủ sở hữu/Tổng Tài sản (%)	7,21%	5,41%	3,27%
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu *(Lần)*	5,28	6,86	6,98
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Vòng quay các khoản phải thu *(Vòng)* (Doanh thu thuần/Các khoản phải thu khách hàng bình quân)	5,38	5,46	5,14
- Kỳ thu tiền bình quân *(Ngày)*	66,9	65,9	70,03
- Vòng quay các khoản phải trả *(Vòng)* (Giá vốn hàng bán/ Phải trả cho người bán bình quân)	6,27	3,7	3,76
- Ngày phải trả bình quân *(Ngày)*	57,42	97,3	95,74

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
- Vòng quay hàng tồn kho *(Vòng)* (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	5,7	3,88	5,00
- Vòng quay Tổng tài sản *(Vòng)* (DTT/Tổng tài sản bình quân)	0,61	0,55	0,42
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
- Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	3,01%	2,37%	2,74%
- Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	3,53%	3,29%	3,66%
- Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (bao gồm nguồn kinh phí và quỹ khác)	3,01%	2,07%	1,60%
- Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (không bao gồm nguồn kinh phí và quỹ khác)	22,63%	20,96%	27,13%
- Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	1,85%	1,29%	1,14%

(Nguồn: Tính toán dựa trên số liệu cuối kỳ tại BCTC hợp nhất năm 2012, 2013, 2014 đã được kiểm toán của Công ty TNHH một thành viên Quản lý đường sắt Quảng Bình)

10.3. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

10.3.1. Thuận lợi

- Công ty TNHH một thành viên Quản lý đường sắt Quảng Bình có đội ngũ công nhân lành nghề, cán bộ quản lý chuyên sâu; cơ sở hạ tầng và thiết bị được đầu tư đồng bộ đang phát huy hiệu quả.
- Là một thành viên của Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam, Công ty TNHH một thành viên Quản lý đường sắt Quảng Bình luôn nhận được sự quan tâm, hỗ trợ của Tổng Công ty và có thế mạnh trong việc thiết lập mối quan hệ tốt đẹp với bạn hàng, đối tác trong quá trình hoạt động kinh doanh.

- CBCNV luôn phát huy tinh thần đoàn kết và nỗ lực cố gắng, vượt qua mọi khó khăn, yêu ngành yêu nghề, phấn đấu hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao.

10.3.2. Khó khăn, bất lợi

- Bộ máy sản xuất còn bất cập, một số nguồn lực chưa đáp ứng đầy đủ cho sản xuất kinh doanh, thiết bị nâng hạ cần nâng cấp và đầu tư mới.
- Nhu cầu vốn cho đầu tư phát triển khá lớn, trong lúc tích lũy vốn từ nội tại Công ty chưa cao, thu hút vốn từ bên ngoài cho đầu tư gặp khó khăn.
- Trạng thái cầu đường tuy được quan tâm đầu tư nhưng vẫn nằm trong tình trạng yếu. Nguồn vốn đầu tư cho cơ sở hạ tầng đường sắt chưa đáp ứng được yêu cầu sửa chữa, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt, đảm bảo an toàn chạy tàu. Bên cạnh đó, thời tiết ngày càng khắc nghiệt, mùa hè nắng nóng kéo dài gây hạn hán, mùa đông bão lũ làm ngập lụt; khó khăn cho công tác SXKD.

11. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

11.1. Vị thế của Công ty trong ngành

Với truyền thống và kinh nghiệm gần 35 năm trong lĩnh vực quản lý, thi công xây dựng sửa chữa hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt Quốc gia từ năm 1981 đến nay, Công ty TNHH một thành viên Quản lý đường sắt Quảng Bình tự hào là một trong những doanh nghiệp có uy tín trong lĩnh vực quản lý, thi công xây lắp công trình xây dựng trong và ngoài ngành, sửa chữa kết cấu hạ tầng đường sắt đảm bảo chất lượng và an toàn chạy tàu; cứu chữa, khôi phục sự cố thiên tai, tai nạn chạy tàu một cách nhanh nhất. Công ty có một đội ngũ đầy kinh nghiệm sẵn sàng thực hiện mọi nhiệm vụ được giao góp phần xây dựng ngành Giao thông và đơn vị ngày càng phát triển, nâng cao chất lượng cuộc sống và phát triển bền vững của ngành đường sắt nói riêng, ngành Giao thông vận tải nói chung.

11.2. Triển vọng phát triển ngành

Căn cứ Quy hoạch tổng thể phát triển ngành giao thông vận tải đường sắt đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030:

- Mục tiêu cụ thể:
  - Đến năm 2020: giao thông vận tải đường sắt cần chiếm tỷ trọng tối thiểu 13% về nhu cầu luân chuyển hành khách và 14% về luân chuyển hàng hoá

trong tổng khối lượng vận tải của toàn ngành giao thông vận tải; trong đó vận tải hành khách đô thị bằng đường sắt đạt ít nhất là 20% nhu cầu vận tải hành khách công cộng tại Thủ đô Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh;

- Giai đoạn đến năm 2030: đạt tỷ trọng 20% về nhu cầu luân chuyển hành khách, hàng hoá; đạt tỷ trọng 25% về nhu cầu vận chuyển hành khách công cộng tại các đô thị lớn.

- Quy hoạch phát triển:
  - Vận tải hành khách: tập trung phát triển dịch vụ vận tải đường dài với cự ly 300 - 500 km trên các hành lang giao thông chủ yếu, đặc biệt là hành lang Bắc - Nam, Đông - Tây và dịch vụ vận tải đường sắt đô thị, đường sắt nội - ngoại ô, đường sắt liên tỉnh trên cơ sở khai thác hệ thống đường sắt hiện có, đường sắt xây dựng mới ở các khu đoạn cự ly trung bình và khu vực có nhu cầu lớn;
  - Vận tải hàng hóa: thúc đẩy phát triển nhanh dịch vụ vận tải hàng nặng, khối lượng lớn từ các khu mỏ, cảng biển, cảng ICD, nhà máy, các khu kinh tế lớn... giảm bớt sức ép đối với đường bộ, hạn chế tai nạn trên giao thông; ứng dụng công nghệ vận tải hiện đại đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng;
  - Nâng cao năng lực cạnh tranh dịch vụ vận tải trên cơ sở thúc đẩy nhanh tiến trình cổ phần hóa các doanh nghiệp vận tải đường sắt nhà nước, xã hội hóa vận tải đường sắt nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ, hạ giá thành vận tải, thu hút các thành phần kinh tế ngoài nhà nước tham gia phát triển vận tải đường sắt và dịch vụ hỗ trợ vận tải với việc thiết lập thị trường cạnh tranh, tăng cường quản lý nhà nước về vận tải đường sắt;
  - Mở rộng liên kết vận tải quốc tế, khu vực và các quốc gia có biên giới liền kề trên cơ sở mạng đường sắt hiện có và trong tương lai.

Về kết cấu hạ tầng:

- Mục tiêu cụ thể:
  - Đến năm 2020: hoàn thành cải tạo, nâng cấp mạng đường sắt hiện có đạt tiêu chuẩn đường sắt quốc gia cấp I, hoàn thành kết nối đường sắt với các cảng biển quốc tế, nhà máy, khu kinh tế, khu mỏ và các trung tâm du lịch lớn…; phấn đấu hoàn thành xây dựng mới tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng và Đồng Đăng - Hà Nội; nhanh chóng phát triển giao thông

vận tải bánh sắt tại các đô thị, trước mắt ưu tiên triển khai tại Thủ đô Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh; ưu tiên xây dựng trước một số đoạn tuyến đường sắt cao tốc Bắc - Nam; từng bước cải tạo mở rộng các khu đoạn đường sắt đơn hiện có thành đường đôi điện khí hoá và mở rộng các tuyến đường sắt đô thị đáp ứng nhu cầu vận tải nội - ngoại ô cũng như các vùng đô thị lớn;

- Đến năm 2030: hoàn thành mạng đường sắt đô thị tại Thủ đô Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và triển khai xây dựng tại một số thành phố lớn khác; cơ bản hoàn thành mạng đường sắt cao tốc Bắc - Nam; triển khai xây dựng mạng đường sắt Tây Nguyên, đường sắt nối các tỉnh ven biển đồng bằng Bắc Bộ và đường sắt đến các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long.

- Quy hoạch phát triển:
  - Đến năm 2020, hoàn thành xây dựng:
    + Cải tạo, nâng cấp các tuyến hiện có.
    + Một số đoạn tuyến đường sắt cao tốc Bắc - Nam, tuyến đường sắt Yên Viên - Phả Lại - Hạ Long - Cái Lân, Biên Hoà - Vũng Tàu, tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng, tuyến đường sắt Đồng Đăng - Hà Nội, tuyến đường sắt phục vụ khai thác Bô xít (Đăk Nông - Bình Thuận), tuyến đường sắt Dĩ An - Lộc Ninh, tuyến đường sắt Vũng Áng - Mụ Giạ, khôi phục tuyến đường sắt Tháp Chàm - Đà Lạt, nghiên cứu xây dựng tuyến đường sắt Đông Hà - Lao Bảo; các tuyến đường sắt kết nối các cảng biển, các khu công nghiệp, kinh tế, hầm mỏ mới hình thành: cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng, cảng trung chuyển quốc tế Vân Phong, cảng Cái Mép - Thị Vải, mỏ sắt Thạch Khê, bô xít Tây Nguyên...; mạng đường sắt đầu mối: Hà Nội (vành đai phía Đông), thành phố Hồ Chí Minh (vành đai phía Tây), Hải Phòng, Đà Nẵng, Diêu Trì; hoàn thành xây dựng một số tuyến chính đường sắt đô thị, đường sắt liên vùng vùng Thủ đô Hà Nội và vùng thành phố Hồ Chí Minh.
  - Đến năm 2030, hoàn thành xây dựng:
    + Mạng đường sắt Tây Nguyên bao gồm trục chính: Đà Nẵng - Kon Tum - Đắk Lắk - Buôn Ma Thuật - Chơn Thành - thành phố Hồ Chí Minh và các tuyến nhánh Buôn Ma Thuột - Tuy Hoà, Đắk Nông - Bình Thuận;
    + Những đoạn tuyến còn lại trong mạng đường sắt cao tốc Bắc - Nam;

+ Mạng đường sắt đô thị tại thủ đô Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh;
+ Hành lang đường sắt ven biển Nam Định - Thái Bình - Hải Phòng - Quảng Ninh, Hạ Long - Móng Cái;
+ Các tuyến Lạng Sơn - Quảng Ninh (Mũi Chùa), Nam Định - Thịnh Long, Mỹ Lý - Tân Kỳ...

Về công nghiệp đường sắt:

- Mục tiêu cụ thể:
  - Đến năm 2020: phấn đấu tự chế tạo trong nước các phương tiện, vật tư, thiết bị, phụ tùng đường sắt đáp ứng về cơ bản nhu cầu bảo trì, cải tạo, sửa chữa, nâng cấp mạng đường sắt hiện có;
  - Đến năm 2030: từng bước đáp ứng nhu cầu về phương tiện, vật tư, thiết bị, phụ tùng đường sắt cho các dự án xây dựng các tuyến đường sắt đô thị, đường sắt mới; hình thành ngành công nghiệp đường sắt hiện đại.
- Quy hoạch phát triển đến năm 2020:
  - Đầu máy: định hướng phát triển từ công nghiệp lắp ráp tiến tới chế tạo đầu máy diesel cho các tuyến cũ với công suất từ 2.000 - 2.500 CV và sức kéo điện cho các tuyến mới điện khí hóa với công suất 5.000 KW trở lên; đồng thời phát triển mạng các đoàn tầu tự hành (EMU) để vận tải hành khách nội, ngoại ô; phấn đấu đạt được 1.100 đến 1.200 đầu máy.
  - Toa xe: tập trung phát triển công nghiệp đóng mới toa xe cung cấp cho tiêu dùng trong nước hướng tới xuất khẩu sang các nước trong khu vực; đạt được 50.000 đến 53.000 toa xe các loại;
  - Phụ tùng, vật tư đường sắt (ray, tà vẹt, phụ kiện, ghi, hệ thống cung cấp điện sức kéo, thông tin, tín hiệu...): sản xuất trong nước đáp ứng nhu cầu bảo trì các tuyến đường sắt hiện có và tiến tới xuất khẩu.

Do vậy, triển vọng phát triển của ngành đường sắt là rất lớn, là cơ hội cho các công ty trong ngành đường sắt nói chung và Công ty TNHH một thành viên Quản lý đường sắt Quảng Bình nói riêng phát triển.

11.3. Định hướng phát triển của Công ty

- Xây dựng Công ty cổ phần phát triển vững mạnh trong các lĩnh vực: Xây dựng, sửa chữa các công trình giao thông đường sắt, đường bộ, dân dụng, công nghiệp ....
- Giữ vững ổn định và phát triển từ năm 2016 đến năm 2020 mức tăng trưởng bình quân từ 7% đến 10%.
    - Giá trị sản lượng năm 2016 đạt mức: 134,9 tỷ đồng.
    - Giá trị sản lượng năm 2017 đạt mức: 143,3 tỷ đồng.
    - Giá trị sản lượng năm 2018 đạt mức: 154,8 tỷ đồng.
    - Giá trị sản lượng năm 2019 đạt mức: 167,2 tỷ đồng.
    - Giá trị sản lượng năm 2020 đạt mức: 178,9 tỷ đồng.
- Thu nhập bình quân tăng 10%/năm.
- Tỷ lệ chia cổ tức: xấp xỉ 8% trong 03 năm đầu, từ năm thứ 04 trở đi trên 8%.

  Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/vốn điều lệ: trên 8%.

11.4. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới

Là đơn vị chuyên hoạt động trong lĩnh vực quản lý, thi công xây lắp công trình xây dựng đường sắt, đồng thời nhận thức sâu sắc về vai trò và trách nhiệm của mình, với các định hướng phát triển sau cổ phần hóa nêu trên, Công ty đã, đang và sẽ luôn nỗ lực để có thể tổ chức tốt hoạt động kinh doanh, đáp ứng kịp thời và đầy đủ nhu cầu của các khách hàng, khai thác hiệu quả các tài sản hiện có của doanh nghiệp và gia tăng đóng góp cho Ngân sách Nhà nước. Định hướng phát triển của Công ty là phù hợp với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới.

II. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG VÀ KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH SAU KHI CỔ PHẦN HÓA

1. Mục tiêu cổ phần hóa

Thực hiện mục tiêu của Chính phủ được nêu trong Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước

thành Công ty cổ phần, mục tiêu cổ phần hóa của Công ty TNHH một thành viên Quản lý đường sắt Quảng Bình gồm:

- Chuyển hình thức sở hữu 100% vốn Nhà nước thành hình thức đa sở hữu, Nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối. Tạo sự thay đổi căn bản về phương thức quản lý; từng bước đầu tư đổi mới công nghệ, phát triển quy mô, nâng cao năng lực tài chính, năng lực sản xuất kinh doanh nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động hiện nay và trong tương lai.

- Huy động các nguồn vốn nhàn rỗi của cán bộ công nhân viên trong doanh nghiệp, của cá nhân, các tổ chức kinh tế trong nước (nếu có) để đầu tư phát triển, mở rộng phạm vi hoạt động trong nhiều lĩnh vực nhằm tăng doanh thu, tăng lợi nhuận và phát triển ổn định trong tương lai với phương châm: "Duy trì sản xuất kinh doanh + Phát triển bền vững + Tăng thu nhập".

- Nâng cao vai trò làm chủ thật sự, gắn chặt trách nhiệm, công việc và quyền lợi của cổ đông, tạo động lực thúc đẩy trong công tác điều hành, quản lý sản xuất kinh doanh có hiệu quả, nâng cao thu nhập của người lao động, cổ đông và góp phần tăng trưởng kinh tế của đất nước.

- Thực hiện công khai, minh bạch theo nguyên tắc thị trường; gắn với phát triển thị trường vốn, thị trường chứng khoán.

2. Hình thức cổ phần hóa

Kết hợp vừa bán bớt một phần vốn nhà nước vừa phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ.

3. Thông tin Doanh nghiệp sau cổ phần hóa

Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT QUẢNG BÌNH
Tên viết tắt bằng tiếng Việt:	CÔNG TY ĐƯỜNG SẮT QUẢNG BÌNH
Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh:	QUANG BINH RAILWAY JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt:	QBR.,JSC

PHẦN III: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP

Trụ sở chính:	Số 377 đường Trần Hưng Đạo, phường Nam Lý, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình, Việt Nam
Điện thoại:	052. 3838 913
Fax:	052. 3836 742
Website:	www.duongsatquangbinh.vn
Logo Công ty:	

4. Ngành nghề kinh doanh sau cổ phần hóa

Bảng 12: Ngành nghề kinh doanh của Công ty cổ phần

STT	Nội dung ngành nghề kinh doanh	Mã ngành nghề
1	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt. Chi tiết: Quản lý, duy tu sửa chữa theo từng cấp kỹ thuật hệ thống cầu đường đảm bảo an ninh cho tàu chạy thông suốt trong mọi tình huống; Tổ chức ứng phó sự cố thiên tai, cứu nạn và tai nạn giao thông đường sắt; dịch vụ vận chuyển	52211 (chính)
2	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Chi tiết:Xây dựng, lắp đặt các công trình đường sắt và đường bộ	4210
3	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
4	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng sửa chữa các công trình giao thông, thủy lợi, công trình thông tin, viễn thông, tín hiệu giao thông; các công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290

STT	Nội dung ngành nghề kinh doanh	Mã ngành nghề
5	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Kinh doanh vật liệu xây dựng	4663
6	Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: Chuẩn bị mặt bằng	4312
7	Xây dựng nhà các loại. Chi tiết: Xây dựng, sửa chữa các công trình xây dựng dân dụng	4100
8	Sửa chữa máy móc, thiết bị. Chi tiết: Sửa chữa các loại phụ kiện, máy móc, thiết bị thi công công trình	3312
9	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao. Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng, kết cấu bê tông cốt thép và kết cấu thép chuyên ngành	2395
10	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất các loại phụ kiện, máy móc, thiết bị thi công công trình	2599
11	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Mua bán bất động sản; Cho thuê văn phòng, cửa hàng, kho bãi	6810
12	Khách sạn. Chi tiết: Kinh doanh khách sạn	55101
13	Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Kinh doanh nhà nghỉ	55103
14	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Kinh doanh nhà hàng ăn uống, giải khát	5610
15	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khoẻ tương tự (trừ hoạt động thể thao). Chi tiết: Kinh doanh massage, vật lý trị liệu (Khi có đủ điều kiện và cho phép của cơ quan chức năng)	96100

STT	Nội dung ngành nghề kinh doanh	Mã ngành nghề
16	Điều hành tua du lịch. Chi tiết: Kinh doanh du lịch lữ hành	7912
17	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Kinh doanh đồ lưu niệm, hoá mỹ phẩm, văn hoá phẩm, dịch vụ thể thao, dịch vụ viễn thông: mua bán sim card...	4649
18	Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: Tư vấn quản lý dự án xây dựng, giám sát các công trình giao thông cầu đường	7410
19	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Chi tiết: Cho thuê phương tiện vận chuyển	7730
20	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Dịch vụ mua bán vé tàu, ô tô. Trông giữ xe ô tô, xe máy	5221
21	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không. Chi tiết: Dịch vụ mua bán vé máy bay	5223
22	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất bảo hộ lao động và công cụ, dụng cụ phục vụ cho sản xuất	3290

(Nguồn: Phương án Cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Quản lý đường sắt Quảng Bình đã được phê duyệt)

5. Cơ cấu tổ chức Công ty sau cổ phần hóa

Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Bình hoạt động theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty do Đại hội đồng cổ đông thông qua, căn cứ theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, dưới sự quản trị, giám sát và điều hành của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc.

Dự kiến bộ máy tổ chức của Công ty theo mô hình Công ty cổ phần như sau:

➢ **Đại hội đồng cổ đông:**

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một (01) lần. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

➢ **Hội đồng quản trị:**

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc. Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức vụ Giám đốc Công ty. Quyền hạn và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị được quy định cụ thể tại Điều lệ Công ty.

➢ **Ban Kiểm soát:**

Ban kiểm soát có ba (03) thành viên, nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Ban Kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban Kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty.

➢ **Ban Giám đốc:** Gồm 01 Giám đốc và 03 Phó Giám đốc

+ Giám đốc Công ty: do Hội đồng quản trị Công ty bổ nhiệm. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá năm (05) năm; có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật của Công ty.

+ Các Phó Giám đốc do Hội đồng quản trị Công ty bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng theo đề nghị của Giám đốc Công ty. Các Phó Giám đốc giúp Giám đốc Công ty trong việc điều hành Công ty theo phân công và uỷ quyền của Giám đốc; chịu trách nhiệm trước Giám đốc, trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về nhiệm vụ được Giám đốc phân công và uỷ quyền. Các Phó Giám đốc được bổ nhiệm, ký hợp đồng với thời hạn năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm, ký hợp đồng lại.

➢ **Kế toán trưởng:**

Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị Công ty bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng theo đề nghị của Giám đốc Công ty. Kế toán trưởng có nhiệm vụ tổ chức thực hiện công tác tài chính kế toán của Công ty, giúp Giám đốc bảo toàn và phát triển vốn của Công ty; đề xuất các giải pháp và điều kiện tạo nguồn vốn cho nhu cầu sản xuất, kinh doanh, đầu tư phát triển Công ty; quản lý, kiểm tra, giám sát công tác tài chính kế toán của Công ty theo pháp luật về tài chính, kế toán; có các quyền hạn và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Kế toán trưởng chịu trách nhiệm trước Giám đốc, Hội đồng quản trị Công ty và pháp luật về nhiệm vụ được phân công và uỷ quyền. Tiêu chuẩn tuyển chọn Kế toán trưởng Công ty được thực hiện theo quy định của Luật Kế toán và các quy định của pháp luật. Kế toán trưởng được bổ nhiệm, ký hợp đồng với thời hạn năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm, ký hợp đồng lại.

➢ **Các phòng, ban chức năng:**

Theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

PHẦN III: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP

SƠ ĐỒ BỘ MÁY TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY SAU CỔ PHẦN HÓA

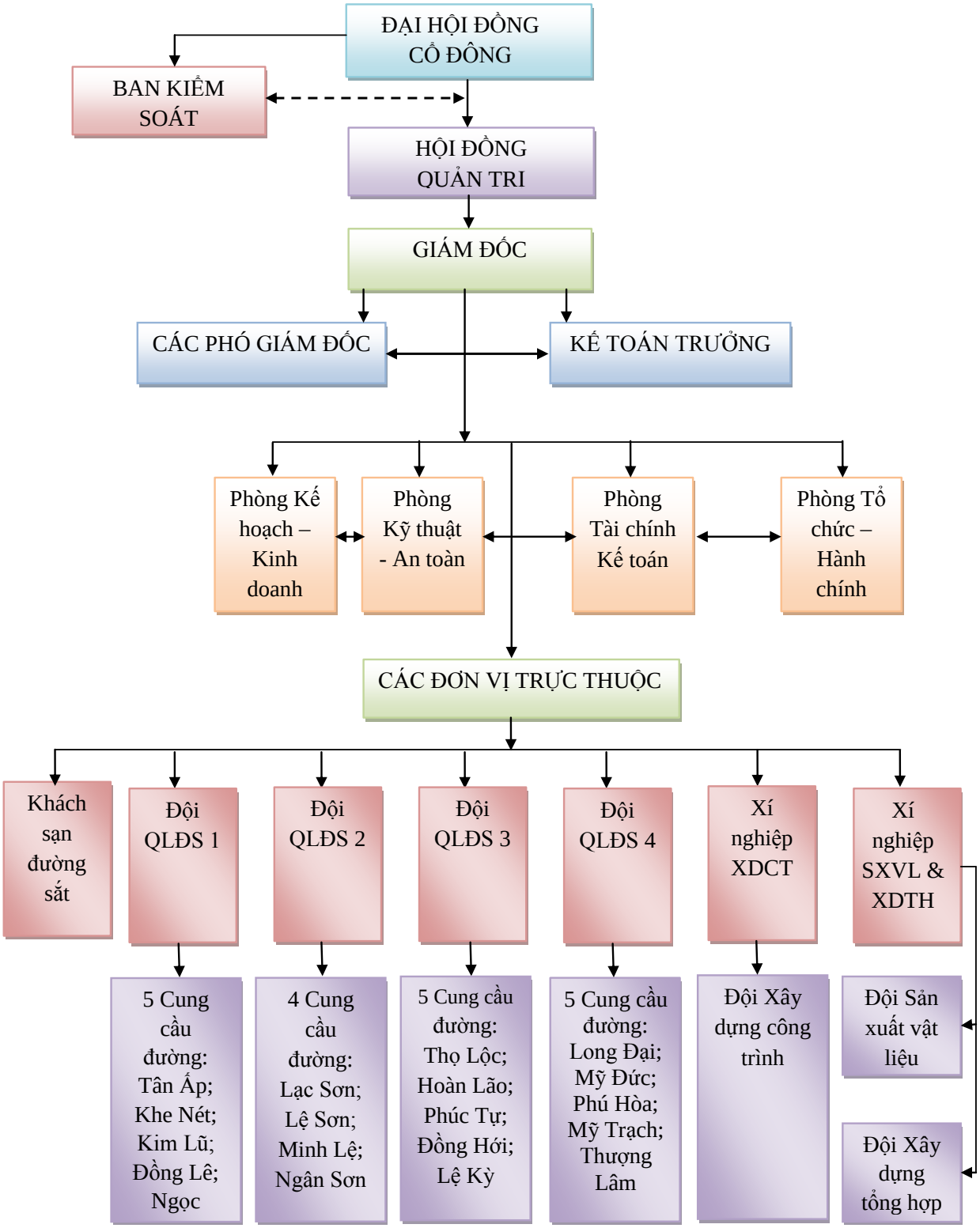

(Nguồn: Phương án Cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Quản lý đường sắt Quảng Bình đã được phê duyệt)

PHẦN III: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP

6. Một số thông tin chủ yếu về chiến lược phát triển doanh nghiệp và kế hoạch đầu tư sau khi cổ phần hóa

Trong vòng 03 năm sau cổ phần hóa, Công ty dự định sẽ đầu tư xây dựng mở rộng quy mô Khách sạn Đường sắt. Việc sửa chữa mở rộng quy mô Khách sạn Đường sắt là cần thiết để phục vụ tốt hơn nhu cầu của khách hàng, từ đó thu hút thêm khách đến với Khách sạn, tăng doanh thu cho Công ty.

7. Hệ thống chỉ tiêu kinh tế chủ yếu của kế hoạch sản xuất kinh doanh trong 05 năm liền kề sau khi cổ phần hóa

PHẦN III: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP

Bảng 13: Một số chỉ tiêu kế hoạch SXKD Công ty trong 05 năm sau cổ phần hóa

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	2016	2017	2018	2019	2020
1	**Kế hoạch đầu tư XDCB**	**Triệu đồng**	**Không có**	**Không có**	**Không có**	**Không có**	**Không có**
2	**Vốn điều lệ**	**Triệu đồng**	**17.605**	**17.605**	**17.605**	**17.605**	**17.605**
3	**Tổng Doanh thu**	**Triệu đồng**	**122.700**	**130.350**	**140.784**	**152.047**	**164.211**
+	DT hoạt động kinh doanh cơ bản	Triệu đồng	122.700	130.350	140.784	152.047	164.211
+	DT hoạt động Tài chính + Khác	Triệu đồng	0	0	0	0	0
4	**Tổng Chi phí**	**Triệu đồng**	**121.050**	**128.535**	**138.787**	**149.851**	**161.795**
	Trong đó:						
+	Chi phí Nguyên vật liệu (23,6%)	Triệu đồng	28.568	30.334	32.754	35.365	38.184
+	Chi phí nhân công (36%)	Triệu đồng	43.578	46.273	49.963	53.946	58.246
+	Chi phí khấu hao (10%)	Triệu đồng	12.105	12.854	13.879	14.985	16.180
+	Chi phí mua ngoài (23,6%)	Triệu đồng	28.568	30.334	32.754	35.365	38.184
+	Chi phí bằng tiền + Lãi vay (6,8%)	Triệu đồng	8.231	8.740	9.438	10.190	11.002
5	**Lợi nhuận**						
+	**Lợi nhuận trước thuế**	**Triệu đồng**	**1.650**	**1.815**	**1.997**	**2.196**	**2.416**
	Tỷ suất LN trước thuế /Vốn điều lệ	%	9,37	10,31	11,34	12,47	13,72

PHẦN III: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	2016	2017	2018	2019	2020
	Tỷ suất LN trước thuế / Tổng DT	%	1,34	1,39	1,42	1,44	1,47
+	**Lợi nhuận sau thuế**	**Triệu đồng**	**1.320**	**1.452**	**1.598**	**1.757**	**1.933**
	Tỷ suất LN sau thuế /Vốn điều lệ	%	7,50	8,25	9,08	9,98	10,98
	Tỷ suất LN sau thuế / Tổng DT	%	1,08	1,11	1,14	1,16	1,18
+	Lãi cơ bản/cổ phiếu	đồng	750	825	908	998	1098
6	Lợi nhuận chia cổ tức	Triệu đồng	1.408,4	1.408,4	1.408,4	Từ 1.408,4 trở lên	Từ 1.408,4 trở lên
7	**Tỷ lệ chi cổ tức**	**%**	**8%**	**8%**	**8%**	**8% trở lên**	**8% trở lên**
8	Số lao động	người	609	609	609	609	609
9	Bình quân thu nhập/người/tháng	Triệu đồng	6,06	6,67	7,33	8,07	8,87
10	Tổng quỹ lương	Triệu đồng	44.172	46.926	50.682	54.737	59.116

(Nguồn: Phương án Cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Quản lý đường sắt Quảng Bình đã được phê duyệt)

Ghi chú: Các chỉ tiêu kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn 2016 -2020 của Công ty được xây dựng căn cứ theo các chỉ tiêu chủ yếu của Nghị quyết Đại hội đảng bộ Công ty TNHH một thành viên Quản lý đường sắt Quảng Bình lần thứ XIII nhiệm kỳ 2015-2020

Các giải pháp để thực hiện kế hoạch:

- Giải pháp về tổ chức biên chế, lao động:
  - ✓ Sắp xếp lại cơ cấu tổ chức bộ máy và định biên lao động hợp lý, phù hợp với tình hình sản xuất của Công ty.

- Giải pháp về thị trường:
  - ✓ Tập trung tìm kiếm các công trình có nguồn vốn đầu tư rõ ràng.
  - ✓ Xác định công tác quản lý, sửa chữa kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia là nhiệm vụ chính.
  - ✓ Nâng cao năng lực đấu thầu và năng lực cho cán bộ làm công tác đấu thầu.
  - ✓ Tiếp tục củng cố và giữ vững các thị trường, địa bàn đã có và mở rộng, nâng cao tầm mối quan hệ tìm kiếm đối tác.
  - ✓ Tăng cường hợp tác bằng các hình thức liên danh liên kết với các công ty bạn, xây dựng mối quan hệ tốt với các đối tác tránh rủi ro trong tìm kiếm việc làm.

- Về năng lực sản xuất kinh doanh:
  - ✓ Công ty đã có nhiều năm kinh nghiệm trong việc thực hiện các dự án quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia do Nhà nước đặt hàng, đây là tiền đề cho sự phát triển đi lên trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Để đạt được kế hoạch sản xuất kinh doanh theo các chỉ tiêu kế hoạch đề ra từ năm 2015 đến 2020, Công ty đã có kế hoạch tiếp tục thực hiện và phấn đấu hoàn thiện 100% dự án quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia năm 2015, tạo uy tín để tiếp tục nhận được dự án cho các năm sau, tiếp túc mở rộng và nâng cao mối quan hệ với các đối tác trong và ngoài ngành, tăng cường tìm kiếm các dự án mới phù hợp với năng lực và ngành nghề kinh doanh được phép để mở rộng sản xuất, tăng lợi nhuận hàng năm.

- Giải pháp về công tác đầu tư phát triển:
  - ✓ Hiện tại Công ty chủ yếu thực hiện các đơn đặt hàng của Tổng công ty và Nhà nước về bảo trì đường sắt, do đó việc đầu tư phát triển là rất ít. Sau cổ phần hóa, Công ty chưa có kế hoạch phát triển, mở rộng ngành nghề kinh doanh, vì vậy Công ty chưa có ý định đầu tư phát triển trong tương lai gần.

- Giải pháp về vốn:
  - ✓ Căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty trên các lĩnh vực hoạt động, với số vốn điều lệ 17,605 tỷ đồng có thể sẽ không đảm bảo đủ nhu cầu vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh vì vậy Công ty dự kiến sẽ sử dụng vốn một cách tiết kiệm, quay vòng nhanh, thu hồi công nợ triệt để và sử dụng các nguồn vốn khác cụ thể như sau:
    - + Chỉ thi công các công trình có nguồn vốn rõ ràng;
    - + Tập trung đẩy nhanh tiến độ để nghiệm thu, thanh toán;
    - + Vay vốn của các Ngân hàng với mức lãi suất phù hợp;
    - + Bố trí cơ cấu vốn hợp lý, nhằm tận dụng tối đa số vốn hiện có;
    - + Đầu tư vốn có trọng điểm, dùng các biện pháp nghiệp vụ để tăng nhanh vòng quay của đồng vốn;
    - + Tăng cường công tác thu hồi các khoản tiền vốn đang bị chiếm dụng để giảm bớt các nguồn vốn vay. Đảm bảo thu hồi nhanh nhất các khoản nợ, nhất là các khoản nợ dây dưa kéo dài.

PHẦN IV: VỐN ĐIỀU LỆ VÀ CƠ CẤU VỐN ĐIỀU LỆ

1. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ của Công ty cổ phần Đường sắt Quảng Bình dự kiến sau khi cổ phần hóa là: **17.605.000.000 đồng** *(Bằng chữ: Mười bảy tỷ sáu trăm linh năm triệu đồng)*

2. Cơ cấu vốn điều lệ

Tổng số cổ phần của Công ty dự kiến tại thời điểm thành lập Công ty cổ phần là **1.760.500 cổ phần** *(Bằng chữ: Một triệu bảy trăm sáu mươi nghìn năm trăm cổ phần)*, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng. Cơ cấu vốn điều lệ chi tiết theo bảng sau:

Bảng 14: Cơ cấu vốn điều lệ dự kiến của Công ty sau khi cổ phần hóa

STT	Cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ so với vốn điều lệ
I	**Nhà nước**	**897.855**	**8.978.550.000**	**51,00%**
II	**Người lao động trong Công ty** (*Mua ưu đãi theo thời gian làm việc thực tế tại khu vực nhà nước* (*))	**774.600**	**7.746.000.000**	**44,00%**
III	**Bán ra bên ngoài** *(Bán cho Nhà đầu tư khác mua qua cuộc đấu giá công khai)*	**88.045**	**880.450.000**	**5,00%**
Tổng cộng		**1.760.500**	**17.605.000.000**	**100,00%**

(Nguồn: Phương án Cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Quản lý đường sắt Quảng Bình đã được phê duyệt)

(*) Đây là số cổ phần người lao động trong Công ty đã đăng ký mua ưu đãi theo thời gian làm việc thực tế tại khu vực Nhà nước.

PHẦN V: RỦI RO DỰ KIẾN

1. Rủi ro về kinh tế

Bất kỳ một nền kinh tế nào cũng luôn chứa đựng những rủi ro nhất định. Những rủi ro đó hình thành từ chính sự biến động của các nhân tố cơ bản trong nền kinh tế: tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái. Công ty là một chủ thể tham gia vào nền kinh tế nên cũng không nằm ngoài những ảnh hưởng và tác động từ sự thay đổi của những nhân tố đó.

Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Trong năm 2013, ngay từ đầu năm Chính phủ và Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản và chỉ đạo quyết liệt việc thực hiện mục tiêu tăng cường kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội. Tình hình nền kinh tế năm 2013 đã có những cải thiện nhất định. Tốc độ tăng trưởng GDP năm 2013 đạt 5,42% và lạm phát được khống chế ở mức thấp là 6,04%.

Năm 2014, Chính phủ đã xác định mục tiêu tổng quát của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2014 là tiếp tục ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát; tăng trưởng hợp lý và nâng cao chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế trên cơ sở đẩy mạnh thực hiện ba đột phá chiến lược gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, tái cơ cấu nền kinh tế... Theo số liệu của Tổng cục Thống kê Việt Nam công bố ngày 27/12/2014, GDP năm 2014 tăng 5,98% so với năm 2013, trong đó quý I tăng 5,06%, quý II tăng 5,34%, quý III tăng 6,07%. Mức tăng trưởng năm 2014 cao hơn mức tăng 5,25% của năm 2012 và mức tăng 5,42% của năm 2013 cho thấy dấu hiệu tích cực của nền kinh tế.

Bước sang năm 2015, Chính phủ và Nhà nước tiếp tục ban hành nhiều văn bản và chỉ đạo quyết liệt việc thực hiện mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô, tạo điều kiện thuận lợi phát triển sản xuất, kinh doanh, đảm bảo an sinh xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế ... trong đó trọng tâm là Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 03/01/2015 về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2015 và Nghị quyết số 19/NQ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2015 về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia 2 năm 2015 - 2016.

Nhờ sự nỗ lực trong cải cách thủ tục hành chính, cải cách thể chế và tái cơ

cấu kinh tế, đồng thời phát huy tính chủ động, sáng tạo, tranh thủ và tận dụng mọi cơ hội nên hoạt động sản xuất kinh doanh những tháng đầu năm nay của hầu hết các ngành, lĩnh vực đạt kết quả khả quan. GDP 09 tháng đầu năm 2015 ước tính tăng 6,50% so với cùng kỳ năm 2014, trong đó quý I tăng 6,12%; quý II tăng 6,47%; quý III tăng 6,81%. Trong mức tăng 6,50% của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,08%, đóng góp 0,36 điểm phần trăm; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 9,57%, đóng góp 3,12 điểm phần trăm; khu vực dịch vụ tăng 6,17%, đóng góp 2,38 điểm phần trăm *(Nguồn: Website Tổng cục thống kê Việt Nam - http://gso.gov.vn/).*

Lãi suất

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty có thể sử dụng đến kênh huy động vốn từ tín dụng và chịu lãi suất sử dụng vốn vay, khi đó, chỉ cần một sự biến động nhỏ về lãi suất trong chiến lược điều hành chính sách tiền tệ của Nhà nước cũng có thể ảnh hưởng đến chi phí tài chính và lợi nhuận của Công ty.

Trong năm 2012, Ngân hàng Nhà nước đã 5 lần hạ trần lãi suất huy động VNĐ từ 14%/năm xuống còn 8%/năm. Bước sang năm 2013, để hỗ trợ các doanh nghiệp tiết giảm chi phí và thúc đẩy nền kinh tế phục hồi, Ngân hàng Nhà nước đã liên tục ban hành các quyết định cắt giảm lãi suất, kể từ ngày 28/6/2013, lãi suất tối đa áp dụng đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 01 tháng đến dưới 06 tháng giảm còn 7,0%/năm, đồng thời trần lãi suất cho vay ngắn hạn đối với các lĩnh vực ưu tiên giảm xuống còn 9%/năm.

Từ đầu năm 2014 đến nay, thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước tiếp tục tích cực triển khai các giải pháp tiền tệ, tín dụng ngân hàng theo mục tiêu kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, hỗ trợ tăng trưởng kinh tế ở mức hợp lý, bảo đảm thanh khoản của các tổ chức tín dụng và nền kinh tế. Ngày 28/12/2014, Ngân hàng Nhà nước đã ban hành Quyết định số 2173/QĐ-NHNN quy định mức lãi suất tối đa đối với tiền gửi bằng đồng Việt Nam của tổ chức, cá nhân tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định tại Thông tư số 07/2014/TT-NHNN ngày 17/03/2014, theo đó, mức lãi suất tối đa áp dụng đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 1 tháng là 1%/năm, mức lãi suất tối đa áp dụng đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng là 5,5%/năm; riêng Quỹ tín dụng nhân dân và Tổ chức tài chính vi mô áp dụng mức lãi suất tối đa đối với tiền gửi kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng là 6,0%/năm. Đồng thời, ngày 28/10/2014, Ngân hàng Nhà nước cũng đã ban

hành Quyết định số 2174/QĐ-NHNN về mức lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng đồng Việt Nam của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng vay để đáp ứng nhu cầu vốn phục vụ một số lĩnh vực, ngành kinh tế theo quy định tại Thông tư số 08/2014/TT-NHNN ngày 17/03/2014, theo đó, lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng VNĐ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (trừ Quỹ tín dụng nhận dân và Tổ chức tài chính vi mô) áp dụng mức lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng đồng Việt Nam là 7%/năm; lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng VNĐ của Quỹ tín dụng nhân dân và Tổ chức tài chính vi mô đối với các nhu cầu vốn này giảm xuống còn 8%/năm.

Lạm phát

Lạm phát thường xảy ra do hai nguyên nhân chính là chi phí đẩy hoặc cầu kéo. Tổng cầu gia tăng do sự gia tăng của tiêu dùng hộ gia đình, chi tiêu Chính phủ, đầu tư và thay đổi ròng từ hoạt động xuất nhập khẩu.

Sau khi lạm phát được kiềm chế ở mức 6,81% trong năm 2012, chỉ số giá tiêu dùng năm 2013 tiếp tục được kiểm soát. Chỉ số giá tiêu dùng tháng 12/2013 tăng 0,51% so với tháng trước và tăng 6,04% so với tháng 12/2012. Đây là năm có chỉ số giá tiêu dùng tăng thấp nhất trong 10 năm trở lại đây. Chỉ số giá tiêu dùng bình quân năm 2013 tăng 6,6% so với bình quân năm 2012. Trong năm 2014, chỉ số giá tiêu dùng bình quân mỗi tháng tăng 0,15%, chỉ số giá tiêu dùng bình quân năm 2014 tăng 4,09% so với bình quân năm 2013. Năm 2015, chỉ số giá tiêu dùng 09 tháng tăng tương đối thấp, lạm phát cơ bản bình quân 09 tháng đầu năm tăng 2,15% so với bình quân cùng kỳ năm 2014 *(Nguồn: Website Tổng cục thống kê Việt Nam - http://gso.gov.vn/).*

Mặc dù lạm phát trong thời gian qua luôn được kiềm chế nhưng dưới tác động của lạm phát, các chi phí đầu vào phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty như chi phí điện, nước, … đều có xu hướng gia tăng, qua đó phần nào gây ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

2. Rủi ro về luật pháp

Hiện nay, hệ thống luật pháp của Việt Nam đang trong quá trình sửa đổi và hoàn thiện, việc vận dụng không phù hợp và kịp thời sẽ tạo ra những rủi ro về mặt pháp lý cho hoạt động kinh doanh của Công ty, đặc biệt sau khi công ty chuyển đổi từ mô hình

công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên sang mô hình công ty cổ phần. Tuy nhiên, với xu hướng phát triển chung của nền kinh tế, Chính phủ cũng đang từng bước hoàn chỉnh hệ thống pháp luật theo hướng đơn giản, minh bạch, ổn định theo thông lệ quốc tế.

3. Rủi ro đặc thù ngành

Đường sắt Việt Nam là một tuyến giao thông huyết mạch, kéo dài qua các khu địa hình phức tạp, chịu ảnh hưởng, tác động chung của khu vực khí hậu nhiệt đới gió mùa, mưa nắng thất thường, thiên tai bão lũ triền miên, hàng năm gây ách tắc giao thông, gây thiệt hại nặng nề cho hệ thống hạ tầng đường sắt, ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị trong ngành.

Hệ thống cơ sở hạ tầng được xây dựng, sửa chữa, cải tạo và khai thác qua từng thời kỳ, dựa trên nền tảng cơ sở hạ tầng, trang thiết bị cũ kỹ, lạc hậu, chắp vá, không đồng bộ. Với nguồn kinh phí đầu tư cho công tác quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu nền tình trạng cơ sở hạ tầng ngày càng xuống cấp nghiêm trọng.

Mặt khác, Đường sắt Việt Nam là một trong những tuyến giao thông quan trọng, có lưu lượng phương tiện hoạt động trên từng khu gian đường sắt rất lớn, lại khai thác trên khổ đường nhỏ, đường đơn. Hầu hết các điểm đường bộ cắt ngang đường sắt đều ở dạng giao cắt đồng mức với hàng ngàn đường ngang, đường dân sinh đang trở thành những mối nguy hiểm, tiềm ẩn tai nạn giao thông, uy hiếp đến an toàn chạy tàu.

Trong bối cảnh tình hình kinh tế - xã hội đất nước vẫn phần nào còn bị ảnh hưởng bởi suy thoái kinh tế toàn cầu, ngoài ra việc giá cả nguyên, nhiên, vật liệu, giá xăng dầu biến động, nguồn vốn đầu tư hạn hẹp và liên tục biến động cũng vẫn tiềm ẩn rủi ro ảnh hưởng đến các hoạt động của Công ty. Bên cạnh đó, những khó khăn về tài chính của doanh nghiệp đường sắt kéo dài từ nhiều năm nay cũng phần nào ảnh hưởng đến công tác sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong Ngành Đường sắt nói chung và trong Công ty nói riêng.

4. Rủi ro của đợt chào bán

Việc chào bán cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty TNHH một thành viên Quản lý đường sắt Quảng Bình chịu ảnh hưởng lớn bởi tình hình thị trường chứng khoán và diễn biến của nền kinh tế. Những yếu tố, thông tin bất lợi về thị trường

chứng khoán và kinh tế vĩ mô sẽ ảnh hưởng đến tâm lý của các nhà đầu tư và khả năng hấp thụ của thị trường. Đây là đợt chào bán không có đơn vị bảo lãnh phát hành nên đợt bán đấu giá này có thể không thành công như kỳ vọng, tức là tổng khối lượng cổ phần được mua vẫn có khả năng thấp hơn khối lượng chào bán. Khi đó, số cổ phần không bán hết sẽ được xử lý theo quy định tại Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần.

Rủi ro của đợt chào bán, nếu xảy ra, sẽ làm thay đổi cơ cấu vốn điều lệ thực tế của Công ty so với cơ cấu dự kiến, qua đó phần nào ảnh hưởng tới việc thực hiện các kế hoạch kinh doanh của Công ty sau khi cổ phần hóa. Tuy nhiên, xem xét các thế mạnh hiện tại và tiềm năng phát triển trong dài hạn của Công ty, Công ty hoàn toàn tin tưởng vào sự thành công của đợt bán đấu giá cổ phần.

5. Rủi ro khác

Ngoài các rủi ro đã trình bày trên đây, một số rủi ro khác mang tính bất khả kháng ít có khả năng xảy ra nhưng nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty như chiến tranh, thiên tai, hoả hoạn, dịch bệnh, các biến động của chính trị - xã hội...

PHẦN VI: CỔ PHẦN CHÀO BÁN

1. Thông tin chung về đợt chào bán

- Tên cổ phần : Cổ phần Công ty cổ phần Đường sắt Quảng Bình
- Vốn điều lệ dự kiến : 17.605.000.000 đồng
- Số cổ phần dự kiến phát hành : 1.760.500 cổ phần
- Số lượng cổ phần bán đấu giá công khai : **88.045 cổ phần**
- Loại cổ phần : Cổ phần phổ thông, tự do chuyển nhượng
- Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phần
- Giá khởi điểm bán đấu giá : **10.000 đồng/cổ phần.**

2. Phương thức bán và thanh toán tiền mua cổ phần

2.1. Phương thức bán cổ phần

Bảng 15: Phương thức bán cổ phần dự kiến

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ so với vốn điều lệ	Giá bán
1	Người lao động trong Công ty (*Mua ưu đãi theo thời gian làm việc thực tế tại khu vực nhà nước)*	774.600	44,00%	Bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất
2	Bán cho Nhà đầu tư khác mua qua cuộc đấu giá công khai	88.045	5,00%	Giá đấu thành công
	Tổng cộng số lượng cổ phần bán ra	**862.645**	**49,00%**	

(Nguồn: Phương án Cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Quản lý đường sắt Quảng Bình đã được phê duyệt)

2.2. Phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán

- Đối với cổ phần bán cho cán bộ công nhân viên trong Công ty:
  - Thời gian thực hiện: Sau khi thực hiện đấu giá công khai.
  - Phương thức và thời hạn thanh toán do Công ty TNHH một thành viên Quản lý đường sắt Quảng Bình quy định.
- Đối với cổ phần bán đấu giá lần đầu ra công chúng: Phương thức và thời hạn thanh toán được quy định cụ thể trong "*Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty TNHH một thành viên Quản lý đường sắt Quảng Bình*" do Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam ban hành.

3. Kế hoạch hoàn vốn ngân sách Nhà nước và sử dụng tiền thu được từ cổ phần hóa

Bảng 16: Dự kiến kế hoạch hoàn vốn ngân sách Nhà nước và kế hoạch sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa

STT	Nội dung	Cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỉ lệ
1	Vốn điều lệ Công ty cổ phần	1.760.500	17.605.000.000	100,0%
2	Vốn NN thực tế tại DN sau khi đánh giá lại		15.303.812.948	
3	Giá trị mệnh giá cổ phần phát hành thêm		2.301.187.052	
4	Giá trị mệnh giá nhà nước nắm giữ	897.855	8.978.550.000	51,00%
5	Giá trị cổ phần ưu đãi người lao động đăng ký mua	774.600	7.746.000.000	
6	Giá trị cổ phần bán ưu đãi cho người lao động	774.600	7.746.000.000	44,00%
7	Giá trị cổ phần bán cho nhà đầu tư khác qua đấu giá công khai	88.045	880.450.000	5,00%
8	Giá trị Nhà nước bù cho người lao động mua cổ phần ưu đãi		3.098.400.000	
9	Dự toán chi phí cổ phần hóa		500.000.000	

STT	Nội dung	Cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỉ lệ
10	Vốn Nhà nước thu về sau khi bù cổ phần ưu đãi và Chi phí Cổ phần hóa		2.726.862.948	
11	Số tiền giải quyết lao động dôi dư		10.397.525.962	
12	Giá trị thu về quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại Tổng công ty Đường sắt Việt Nam		(7.670.663.014)	

(Nguồn: Phương án Cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Quản lý đường sắt Quảng Bình đã được phê duyệt)

Ghi chú: Tổng số tiền hoàn vốn ngân sách được tính toán dựa trên giả định:

(i) Các đối tượng được chào bán mua hết số cổ phần

(ii) Số lượng cổ phiếu mua ưu đãi theo thời gian làm việc thực tế tại khu vực nhà nước được tính theo số lượng cổ phần đăng ký mua thực tế của người lao động; và

(iii) Giá đấu thành công thấp nhất của cuộc đấu giá bán cổ phần của Công ty được tạm tính bằng giá khởi điểm là 10.000 đồng/cổ phần.

Số tiền thu được từ cổ phần hóa và tổng số tiền hoàn vốn ngân sách sẽ được tính toán lại căn cứ kết quả bán cổ phần thực tế theo đúng các quy định của pháp luật.

4. Các bên liên quan đến đợt chào bán

TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ (DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA)

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SẮT QUẢNG BÌNH

Địa chỉ trụ sở chính : Số 377 Trần Hưng Đạo, phường Nam Lý, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình, Việt Nam

Điện thoại : 052. 3838 913 Fax: 052. 3836 742

Website : www.duongsatquangbinh.vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Địa chỉ trụ sở chính : Số 306 Bà Triệu, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại : 04.3556 2875 / 76 Fax: 04.3556 2874

Website : www.vietinbanksc.com.vn

ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH:

CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM (kiểm toán BCTC năm 2012, 2013)

Địa chỉ trụ sở chính : Số 17, Lô 2 C, Khu Đô thị Trung Yên, Phố Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Điện thoại : 04. 3783 2121 Fax: 04. 3783 2122

Website : www.cpavietnam.vn

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THUẾ, KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN AVINA-IAFC (kiểm toán BCTC năm 2014)

Địa chỉ trụ sở chính : Phòng 12A03, D11, Tòa nhà SUNRISE, Trần Thái Tông, Cầu Giấy, Hà Nội.

Điện thoại : 04. 3795 0833 Fax: 04. 3795 0832

Website : www.avina-iafc.vn

ĐƠN VỊ XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP ĐỂ CỔ PHẦN HÓA:

CÔNG TY TNHH HÃNG KIỂM TOÁN AASC

Địa chỉ trụ sở chính : Số 1 Lê Phụng Hiểu, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại : 04. 3824 1990 Fax: 04. 3825 3973

Website : www.aasc.com.vn

PHẦN VI: CỔ PHẦN CHÀO BÁN

THAY LỜI KẾT

Bản công bố thông tin này là một phần của hồ sơ bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty TNHH một thành viên Quản lý đường sắt Quảng Bình, được Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam soạn thảo một cách trung thực, khách quan và chính xác dựa trên các thông tin và số liệu do Công ty TNHH một thành viên Quản lý đường sắt Quảng Bình cung cấp và trên cơ sở Phương án cổ phần hóa của Công ty đã được phê duyệt.

Tất cả những thông tin trên được đưa ra theo đúng quy định của luật hiện hành nhằm đảm bảo tính công khai, minh bạch và quyền lợi hợp pháp của nhà đầu tư nhưng không hàm ý đảm bảo giá trị chứng khoán.

Các thông tin trên cung cấp cho nhà đầu tư với mục tiêu giúp nhà đầu tư nhìn nhận doanh nghiệp dự định đầu tư một cách khách quan, sáng suốt.

Chúng tôi kính mong các nhà đầu tư nên tham khảo kỹ Bản công bố thông tin này trước khi đưa ra quyết định đấu giá mua cổ phần của Công ty TNHH một thành viên Quản lý đường sắt Quảng Bình.

Trân trọng cảm ơn Quý nhà đầu tư đã quan tâm!

NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG CÁC THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA

ĐẠI DIỆN BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA

TRƯỞNG BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
QUẢN LÝ ĐƯỜNG SẮT QUẢNG BÌNH,
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
TCT ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM

Trần Ngọc Thành

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
QUẢN LÝ ĐƯỜNG SẮT QUẢNG BÌNH
CHỦ TỊCH KIÊM GIÁM ĐỐC

Đỗ Bá Tâm

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN BÁN ĐẤU GIÁ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Minh Giang